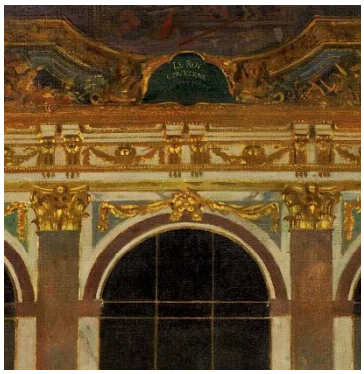

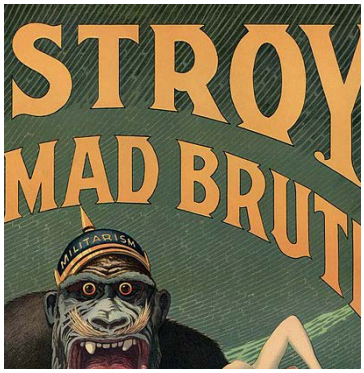

Is the fight for FREEDOM WORTH THE COST?

11b

TIẾNG VIỆT

www.inquiryhistory.com

Question Eleven, Part Two

Is the fight for FREEDOM WORTH THE COST?

EXPLORING AMERICA'S HISTORY THROUGH COMPELLING QUESTIONS

SUPPORTING QUESTIONS

1. IS WILSON'S IDEA OF MORAL DIPLOMACY POSSIBLE IN THE REAL WORLD?
2. ARE RESTRICTIONS ON BASIC FREEDOMS JUSTIFIED IN TIMES OF CRISIS?
3. SHOULD AMERICA BE INVOLVED IN THE WORLD OR ISOLATIONIST?

DEVELOPED AND COMPILED BY
JONATHAN LOOMIS

SOURCES FOR ORIGINAL TEXT INCLUDE
cnx.org
courses.lumenlearning.com
ushistory.org
sageamericanhistory.net
learnnc.org
wikimedia.org

creative commons CREATIVE COMMONS ATTRIBUTION 4.0 INTERNATIONAL LICENSE

Question Eleven, Part Two

Is the fight for FREEDOM WORTH THE COST?

America's have a long history of fighting for freedom. During the Colonial Era, they developed a sense of liberty strong enough that in 1775 they were willing to fight and die on the battlefield to protect their freedom. In 1776, they declared independence and said that "all men are created equal" and that we are have the rights to "life, liberty and the pursuit of happiness."

Nước Mỹ có một lịch sử lâu dài đấu tranh cho tự do. Trong Thời đại thuộc địa, họ đã phát triển một cảm giác tự do đủ mạnh để đến năm 1775, họ sẵn sàng chiến đấu và chết trên chiến trường để bảo vệ tự do của họ. Năm 1776, họ tuyên bố độc lập và nói rằng tất cả đàn ông đều được tạo ra bình đẳng và chúng ta có quyền đối với cuộc sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc.

As decades passed, the question of slavery became unavoidable and Americans fought other Americans about the freedom from African Americans. Clearly, freedom from slavery was worth the cost. In 1915 when the European powers went to war, Americans generally felt that the conflict was not their fight, and it was not until 1917 that the United States officially joined the war. By then, President Woodrow Wilson and most other Americans had concluded that preserving freedom in Europe was worth the cost.

Nhiều thập kỷ trôi qua, câu hỏi về chế độ nô lệ trở nên khó tránh khỏi và người Mỹ đã chiến đấu với những người Mỹ khác về sự tự do khỏi người Mỹ gốc Phi. Rõ ràng, tự do khỏi chế độ nô lệ là giá trị chi phí. Vào năm 1915 khi các cường quốc châu Âu tham chiến, người Mỹ thường cảm thấy rằng cuộc xung đột không phải là cuộc chiến của họ và mãi đến năm 1917, Hoa Kỳ mới chính thức tham gia cuộc chiến. Đến lúc đó, Tổng thống Woodrow Wilson và hầu hết những người Mỹ khác đã kết luận rằng bảo tồn tự do ở châu Âu là đáng giá.

Wars cost more than lives. Wars are an expensive financial investment, and they have a social cost as well. Patterns of life are changed, often irreversibly. Going to war is a momentous decision, and sometimes the United States, for all that we love freedom, had concluded that freedom is simply not worth the cost. For decades before the Civil War, we put off dealing with slavery because we had not decided that a fight of freedom for African Americans would be worth the cost. In 1915, Americans were not willing to pay the price of freedom. It took two years of bloodshed in Europe before Americans decided it was a war worth fighting. Even today, there are opportunities around the world for the United States to flex its military might and protect the freedom of others, but we do not, because we simply do not see the benefits as being worth the cost.

Chiến tranh tốn kém hơn mạng sống. Chiến tranh là một khoản đầu tư tài chính đắt đỏ và chúng cũng có chi phí xã hội. Mô hình của cuộc sống được thay đổi, thường không thể đảo ngược. Chiến tranh là một quyết định nhất thời và đôi khi Hoa Kỳ, đối với tất cả những gì chúng ta yêu thích tự do, đã kết luận rằng tự do đơn giản là không đáng giá. Trong nhiều thập kỷ trước Nội chiến, chúng tôi đã ngừng đối phó với chế độ nô lệ vì chúng tôi đã không quyết định rằng một cuộc chiến tự do cho người Mỹ gốc Phi sẽ đáng giá. Năm 1915, người Mỹ không sẵn sàng trả giá tự do. Phải mất hai năm đổ máu ở châu Âu trước khi người Mỹ quyết định đây là một cuộc chiến đáng giá. Ngay cả ngày nay, có nhiều cơ hội trên khắp thế giới để Hoa Kỳ linh hoạt sức mạnh quân sự và bảo vệ quyền tự do của người khác, nhưng chúng tôi thì không, vì đơn giản là chúng tôi không thấy lợi ích là đáng giá.

What do you think? Is the fight for freedom worth the cost?

Bạn nghĩ sao? Là cuộc chiến cho tự do có giá trị?

F I R S T Q U E S T I O N

1 IS WILSON'S IDEA OF MORAL DIPLOMACY POSSIBLE IN THE REAL WORLD?

Is the fight for FREEDOM WORTH THE COST?

INTRODUCTION

When he took office in 1913, President Wilson promised that the United States under his leadership would be a different sort of neighbor to the nations of the rest of the world. Unlike Theodore Roosevelt and William Howard Taft who were unashamed to cast America's weight around in the form of military or economic muscle, Wilson promised to use America's power for good. His Moral Diplomacy meant that the United States would fight for people to have a say in their own destiny. He disliked Europeans and their colonial empires. He wanted fairness.

Any student of history can easily see the hypocrisy in Moral Diplomacy. Wilson send the armed forces into Latin American nations multiple times, including General Pershing's futile attempt to chase down Pancho Villa in Mexico. He made no attempt to undo imperialist takeovers of Puerto Rico, Guam, the Philippines or Hawaii. It would seem that Wilson's moral diplomacy was more about telling other countries what they should do than making the United States itself a model of those moral ideas.

The greatest test of Wilson's diplomatic talents were not regarding imperialist interventions in Latin America, however. His real test was related to World War I. As European nations set about slaughtering one another on the fields of France and Belgium, Wilson did his best to maintain American neutrality. Americans supported his efforts. One popular song of the day was "I Didn't Raise My Boy to Be A Soldier."

Wilson's desire to keep America out of a terrible war that it didn't start conflicted, however, with his desire for the United States to be a leader in determining the future of world affairs and to be a force for good. Since he couldn't stop the war, how could he use the war to, as he would later say, "make the world safe for democracy?" Could moral diplomacy work in the real world? Could good come out of something so evil?

GIỚI THIỆU

Khi nhậm chức vào năm 1913, Tổng thống Wilson đã hứa rằng Hoa Kỳ dưới sự lãnh đạo của ông sẽ là một nước láng giềng khác với các quốc gia còn lại trên thế giới. Không giống như Theodore Roosevelt và William Howard Taft, những người không có khả năng tạo ra sức nặng của America America ở dạng quân đội hoặc cơ bắp kinh tế, Wilson hứa sẽ sử dụng sức mạnh của Mỹ. Ngoại giao đạo đức của ông có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ đấu tranh để mọi người có tiếng nói trong số phận của chính họ. Ông không thích người châu Âu và các đế chế thực dân của họ. Anh muốn sự công bằng.

Bất kỳ sinh viên lịch sử nào cũng có thể dễ dàng nhìn thấy sự giả hình trong Ngoại giao đạo đức. Wilson đã gửi các lực lượng vũ trang vào các quốc gia Mỹ Latinh nhiều lần, bao gồm cả nỗ lực vô ích của Tướng Pers Breath, để đuổi theo Pancho Villa ở Mexico. Ông không cố gắng hoàn tác việc tiếp quản chủ nghĩa đế quốc ở Puerto Rico, đảo Guam, Philippines hay Hawaii. Dường như chính sách ngoại giao đạo đức của Wilson về việc nói với các quốc gia khác những gì họ nên làm hơn là biến chính nước Mỹ thành một mô hình của những ý tưởng đạo đức đó.

Tuy nhiên, bài kiểm tra lớn nhất về tài năng ngoại giao của Wilson không liên quan đến các can thiệp của đế quốc ở Mỹ Latinh. Thử nghiệm thực sự của anh ta có liên quan đến Thế chiến I. Khi các quốc gia châu Âu bắt đầu tàn sát lẫn nhau trên các lĩnh vực của Pháp và Bỉ, Wilson đã làm hết sức mình để duy trì tính trung lập của Mỹ. Người Mỹ ủng hộ những nỗ lực của ông. Một bài hát nổi tiếng trong ngày là Cạn I Didn thăng Nâng cậu bé của tôi trở thành một người lính.

Tuy nhiên, Wilson Mong muốn giữ cho nước Mỹ thoát khỏi một cuộc chiến khủng khiếp mà nó đã bắt đầu xung đột, tuy nhiên, với mong muốn Hoa Kỳ trở thành một nhà lãnh đạo trong việc xác định tương lai của các vấn đề thế giới và trở thành một lực lượng tốt. Vì anh ta không thể ngăn chặn chiến tranh, làm thế nào anh ta có thể sử dụng chiến tranh, như sau này anh ta nói, để làm cho thế giới an toàn cho nền dân chủ? Có thể ngoại giao đạo đức hoạt động trong thế giới thực? Có thể tốt ra khỏi một cái gì đó rất xấu?

ALLIANCES IN EUROPE

1915 marked the end of a long period of peace between the world's most powerful nations. 100 years before, Europe had united to defeat French Emperor Napoleon. After Napoleon's defeat, the United Kingdom, France, Prussia, Russia, and Austria met in Vienna. These nations decided that if power in Europe was balanced, then no nation could to pose a threat to the others.

However, in 1871, several small German nations combined into the German Empire and Chancellor Otto Von Bismarck began to construct a web of alliances to protect German dominance. Austria-Hungary, Italy, and Germany formed an alliance, and in 1887, the Reinsurance Treaty ensured that Russia would not interfere in a war between France and Germany. This upset the traditional balance of power. Most concerned was France, a traditional enemy of Germany. However, Germany and the Great Britain remained on good terms, as Germany had not built a navy that might challenge British sea power.

During this time, **Queen Victoria** of Britain built alliances in her own way. During years of relative peace, she had her children marry into many of the royal families of Europe, believing that this would solidify relations among the nations. In the first decade of the 1900s, the Kaiser of Germany and the King of England were cousins through Victoria, as were the Tsar and Tsarina of Russia.

In 1890, Kaiser **Wilhelm II** fired Bismarck and took over responsibility for Germany's foreign policy himself. He decided to build up the German navy, antagonizing the Great Britain, and did not renew German agreements with Russia and in 1894. As a result, Russia formed a new alliance with Germany's rival France.

ALLIANCES TẠI CHÂU ÂU

Năm 1915 đánh dấu sự kết thúc của một thời kỳ hòa bình dài giữa các quốc gia hùng mạnh nhất thế giới. 100 năm trước, châu Âu đã thống nhất đánh bại Hoàng đế Pháp Napoleon. Sau thất bại của Napoleon, Vương quốc Anh, Pháp, Phổ, Nga và Áo đã gặp nhau tại Vienna. Các quốc gia này quyết định rằng nếu quyền lực ở châu Âu được cân bằng, thì không quốc gia nào có thể gây ra mối đe dọa cho những người khác.

Tuy nhiên, vào năm 1871, một số quốc gia nhỏ của Đức đã kết hợp với Đế quốc Đức và Thủ tướng Otto Von Bismarck bắt đầu xây dựng một mạng lưới liên minh để bảo vệ sự thống trị của Đức. Áo-Hungary, Ý và Đức thành lập Liên minh, và vào năm 1887, Hiệp ước Tái bảo hiểm đảm bảo rằng Nga sẽ không can thiệp vào cuộc chiến giữa Pháp và Đức. Điều này làm đảo lộn sự cân bằng truyền thống của quyền lực. Quan tâm nhất là Pháp, một kẻ thù truyền thống của Đức. Tuy nhiên, Đức và Vương quốc Anh vẫn có quan điểm tốt, vì Đức đã không xây dựng một hải quân có thể thách thức sức mạnh biển của Anh.

Trong thời gian này, Nữ hoàng Victoria của Anh đã xây dựng các liên minh theo cách riêng của mình. Trong những năm hòa bình tương đối, cô đã có con kết hôn với nhiều gia đình hoàng gia châu Âu, tin rằng điều này sẽ củng cố mối quan hệ giữa các quốc gia. Trong thập kỷ đầu tiên của thập niên 1900, Kaiser của Đức và Quốc vương Anh là anh em họ qua Victoria, cũng như Sa hoàng và Sa hoàng của Nga.

Năm 1890, Kaiser Wilhelm II đã sa thải Bismarck và tự chịu trách nhiệm về chính sách đối ngoại của Đức. Ông quyết định xây dựng hải quân Đức, đối kháng với Vương quốc Anh và không gia hạn các thỏa thuận của Đức với Nga và vào năm 1894. Kết quả là, Nga đã thành lập một liên minh mới với đối thủ Đức Đức.

Secondary Source: Map

Europe in 1914 was divided into two camps, the Triple Alliance and the Triple Entente. The United States eventually entered the war on the side of the Entente.

In 1904, France and the United Kingdom decided to end centuries of bitter enmity by signing the Entente Cordiale, an unusual agreement between former enemies that was signed specifically to counter the growing military power of Germany. Three years later, those two nations and Russia entered the **Triple Entente**. In response, Germany, Austria-Hungary, and Italy confirmed their alliance forming the **Triple Alliance**, or **Central Powers**.

Năm 1904, Pháp và Vương quốc Anh quyết định chấm dứt hàng thế kỷ thù hằn cay đắng bằng cách ký kết Entente Cordiale, một thỏa thuận bất thường giữa những kẻ thù cũ được ký kết đặc biệt để chống lại sức mạnh quân sự đang gia tăng của Đức. Ba năm sau, hai quốc gia đó và Nga đã tham gia Triple Entente với Nga. Đáp lại, Đức, Áo-Hungary và Ý đã xác nhận liên minh của họ thành lập Liên minh ba người, hay Quyền lực Trung ương.

Each nation felt that developing alliances was essential for protection, but the alliances led everyone to fear that its neighbors were more powerful, and had more powerful friends. The result was that Europe's most powerful nations, Great Britain, France, Russia, Germany and Austria-Hungary all began building up their militaries in preparation for war.

Mỗi quốc gia cảm thấy rằng việc phát triển các liên minh là điều cần thiết để bảo vệ, nhưng các liên minh khiến mọi người lo sợ rằng các nước láng giềng mạnh hơn và có nhiều bạn bè mạnh hơn. Kết quả là các quốc gia hùng mạnh nhất châu Âu, Anh, Pháp, Nga, Đức và Áo-Hungary đều bắt đầu xây dựng quân đội để chuẩn bị cho chiến tranh.

WAR BREAKS OUT

WAR BREAKS RA

Austria-Hungary was a patchwork of several nations ruled by the Habsburg family. Several ethnic groups resented rule by the Habsburgs. In June, 1914, the heir to the throne, **Archduke Franz Ferdinand**, traveled to Sarajevo in Bosnia and Herzegovina. A Serbian nationalist named Gavrilo Princip, who hated Habsburg rule, **assassinated the Archduke** and his wife as they drove through the city in an open car. This assassination triggered the First World War.

Áo-Hungary là một bản vá của một số quốc gia được cai trị bởi gia đình Habsburg. Một số nhóm dân tộc phẫn nộ cai trị bởi Habsburgs. Vào tháng 6 năm 1914, người thừa kế ngai vàng, Archduke Franz Ferdinand, đã tới Sarajevo ở Bosnia và Herzegovina. Một người theo chủ nghĩa dân tộc Serbia tên là Gavrilo Princip, người ghét sự cai trị của Habsburg, đã ám sát Archduke và vợ khi họ lái xe qua thành phố trong một chiếc ô tô mở. Vụ ám sát này đã gây ra Chiến tranh thế giới thứ nhất.

The Austro-Hungarian government decided to retaliate by crushing Serbian nationalism. They threatened the Serbian government with war. Russia came to the aid of the Serbs. To oppose this alliance, Austria-Hungary called on Germany. Kaiser Wilhelm II said his country would give Austria-Hungary whatever it needed to win the war.

Chính phủ Áo-Hung quyết định trả đũa bằng cách đè bẹp chủ nghĩa dân tộc Serbia. Họ đe dọa chính phủ Serbia bằng chiến tranh. Nga đã đến giúp đỡ người Serb. Để phản đối liên minh này, Áo-Hungary kêu gọi Đức. Kaiser Wilhelm II cho biết đất nước của ông sẽ trao cho Áo-Hungary bất cứ điều gì cần thiết để giành chiến thắng trong cuộc chiến.

In July 1914, Austria-Hungary declared war on Serbia. Austria-Hungary, Russia, and Germany began to mobilize their troops. The conflict in Austria-Hungary quickly spread over Europe. Germany's military leaders understood that war between Austria-Hungary and Serbia, meant war between Austria-Hungary and Russia, which would in turn bring Germany into the conflict, and then France as well. They did not want to fight a defensive war with their most powerful enemy France, and convinced Kaiser Wilhelm II that their best chance for battlefield success was to strike first.

Vào tháng 7 năm 1914, Áo-Hungary tuyên chiến với Serbia. Áo-Hungary, Nga và Đức bắt đầu huy động quân đội của họ. Cuộc xung đột ở Áo-Hungary nhanh chóng lan rộng khắp châu Âu. Các nhà lãnh đạo quân sự Đức Đức hiểu rằng chiến tranh giữa Áo-Hung và Serbia, có nghĩa là chiến tranh giữa Áo-Hung và Nga, từ đó sẽ đưa Đức vào cuộc xung đột, và sau đó là Pháp. Họ không muốn chiến đấu trong một cuộc chiến phòng thủ với kẻ thù mạnh nhất nước Pháp, và thuyết phục Kaiser Wilhelm II rằng cơ hội tốt nhất để thành công trên chiến trường là tấn công trước.

In August, Germany declared war on France. The Germans demanded that Belgium allow German troops to pass through the neutral nation. When King Albert of Belgium refused, Germany violated Belgian neutrality and invaded. Belgium appealed to the Great Britain for aid. The British House of Commons threatened that Great Britain would wage war against Germany unless it withdrew from Belgium. The

Vào tháng 8, Đức tuyên chiến với Pháp. Người Đức yêu cầu Bỉ cho phép quân đội Đức đi qua quốc gia trung lập. Khi vua Albert của Bỉ từ chối, Đức đã vi phạm tính trung lập của Bỉ và xâm chiếm. Bỉ đã kêu gọi Vương quốc Anh viện trợ. Hạ viện Anh đe dọa rằng Vương quốc Anh sẽ tiến hành chiến tranh chống lại Đức trừ khi nước này rút khỏi Bỉ. Người Đức từ chối, và Anh tham gia trận chiến. Các cường quốc trung ương, Đức

Germans refused, and the Britain joined the battle. The Central Powers, Germany and Austria-Hungary, were pitted against the Allies, the United Kingdom, Russia, and France.

và Áo-Hungary, đã đọ sức với quân Đồng minh, Anh, Nga và Pháp.

THE TECHNOLOGIES OF WAR

CÔNG NGHỆ CỦA WAR

The Great War, as it was called, was unlike any war that came before it. In previous European conflicts, troops typically faced each other on open battlefields. But these wars had occurred before the Industrial Revolution. World War I saw new military technologies that turned war into a conflict of prolonged **trench warfare** in which the enemies dug long lines of defense and faced each other across a decimated no man's land. Both sides used new artillery, tanks, airplanes, machine guns, barbed wire, and, eventually, poison gas. All of these weapons strengthened defenses and turned each military offense into barbarous sacrifices of tens of thousands of lives with minimal territorial advances in return. By the end of the war, the total military death toll was ten million, as well as another million civilian deaths attributed to military action, and another six million civilian deaths caused by famine, disease, or other catastrophes brought about by the conflict.

Cuộc chiến vĩ đại, như đã được gọi, không giống như bất kỳ cuộc chiến nào xảy ra trước nó. Trong các cuộc xung đột trước đây ở châu Âu, quân đội thường đối đầu nhau trên các chiến trường mở. Nhưng những cuộc chiến này đã xảy ra trước Cách mạng Công nghiệp. Chiến tranh thế giới thứ nhất chứng kiến các công nghệ quân sự mới biến chiến tranh thành một cuộc xung đột chiến tranh chiến hào kéo dài, trong đó kẻ thù đào đường dài phòng thủ và đối mặt với nhau trên một vùng đất không có người đàn ông tàn sát. Cả hai bên đã sử dụng pháo mới, xe tăng, máy bay, súng máy, dây thép gai và cuối cùng là khí độc. Tất cả những vũ khí này đã tăng cường phòng thủ và biến mỗi cuộc tấn công quân sự thành sự hy sinh dã man của hàng chục ngàn người với những tiến bộ tối thiểu về lãnh thổ. Vào cuối chiến tranh, tổng số người chết trong quân đội là mười triệu, cũng như một triệu người chết dân sự khác do hành động quân sự, và sáu triệu người chết dân sự khác do nạn đói, bệnh tật hoặc các thảm họa khác do cuộc xung đột gây ra.

Primary Source: Photograph

The machine gun was a new invention in World War I and was too large and heavy to be carried by one person. As a result, it and many other new technologies worked better as defensive weapons than offensive ones.

One terrifying new piece of technological warfare was the German unterseeboot, German for "undersea boat" or **U-boat**. To limit Germany's industrial capability during the war, Britain had blockaded German ports with its superior navy. In 1915, in an effort to break the British blockade and turn the tide of the war, the Germans dispatched

Một trong những tác phẩm chiến tranh công nghệ mới đáng sợ là unterseeboot của Đức, tiếng Đức dành cho thuyền dưới đáy biển hay thuyền U. Để hạn chế khả năng công nghiệp của Đức trong chiến tranh, Anh đã phong tỏa các cảng của Đức bằng lực lượng hải quân ưu việt. Năm 1915, trong nỗ lực phá vỡ sự phong tỏa của Anh và xoay chuyển cuộc chiến, người Đức đã phái

a fleet of these submarines around Great Britain to attack both merchant and military ships.

The U-boats acted in direct violation of international law, attacking without warning from beneath the water instead of surfacing and permitting the surrender of civilians or crew. By 1918, German U-boats had sunk nearly five thousand vessels. Of greatest historical note was the attack on the British passenger ship, **Lusitania**, on its way from New York to Liverpool on May 7, 1915. The German Embassy in the United States had announced that this ship would be subject to attack for its cargo of ammunition, an allegation that later proved accurate. Nonetheless, almost 1,200 civilians died in the attack, including 128 Americans. The attack horrified the world, galvanizing support in England and beyond for the war. This attack, more than any other event, tested President Wilson's desire to stay out of what had been a largely European conflict.

một đội tàu ngầm này đi khắp Vương quốc Anh để tấn công cả tàu buôn và tàu quân sự.

Những chiếc thuyền U đã hành động vi phạm trực tiếp luật pháp quốc tế, tấn công mà không có cảnh báo từ dưới nước thay vì nổi lên và cho phép đầu hàng thường dân hoặc thủy thủ đoàn. Đến năm 1918, những chiếc thuyền U của Đức đã đánh chìm gần năm nghìn tàu. Đáng chú ý nhất trong lịch sử là cuộc tấn công vào tàu chở khách của Anh, Lusitania, trên đường từ New York đến Liverpool vào ngày 7 tháng 5 năm 1915. Đại sứ quán Đức tại Hoa Kỳ đã thông báo rằng con tàu này sẽ bị tấn công vì chở hàng đạn dược, một cáo buộc mà sau đó đã chứng minh chính xác. Tuy nhiên, gần 1.200 dân thường đã chết trong vụ tấn công, bao gồm 128 người Mỹ. Cuộc tấn công đã làm kinh hoàng thế giới, ủng hộ ở Anh và xa hơn cho cuộc chiến. Cuộc tấn công này, hơn bất kỳ sự kiện nào khác, đã kiểm tra mong muốn của Tổng thống Wilson, tránh xa cuộc xung đột lớn ở châu Âu.

AMERICAN NEUTRALITY

Despite the loss of American lives on the Lusitania, President Wilson stuck to his path of **neutrality** in Europe's escalating war, in part out of moral principle, in part as a matter of practical necessity, and in part for political reasons. Few Americans wished to participate in the devastating battles that ravaged Europe, and Wilson did not want to risk losing his reelection by ordering an unpopular military intervention. For Wilson, the conflict did not reach the threshold of a moral imperative for American involvement. It was largely a European affair involving numerous countries with whom the United States wished to maintain working relations. In his message to Congress in 1914, the president noted, "Every man who really loves America will act and speak in the true spirit of neutrality, which is the spirit of impartiality and fairness and friendliness to all concerned."

Wilson understood that he was already looking at a difficult reelection campaign in 1916. He had only won the 1912 election with 42% of the popular vote, and likely would not have been elected at all had Roosevelt not come back as a third-party candidate to run against his former protégée Taft. Wilson felt pressure from all different political constituents to take a position on the war, yet he knew that elections were seldom won with a campaign promise of "If elected, I will send your sons to war!" Facing pressure from some businessmen and other government officials who felt that the protection of America's best interests required a stronger position in defense of the Allied forces, Wilson agreed to a "preparedness campaign" in the year prior to the election. This campaign included the passage of the **National Defense Act** of 1916, which more than doubled the size of the army to nearly 225,000, and the **Naval Appropriations Act** of 1916, which called for

SỰ CẦN THIẾT

Bất chấp sự mất mát của người Mỹ trên Lusitania, Tổng thống Wilson vẫn kiên định với con đường trung lập của mình ở Châu Âu, cuộc chiến leo thang, một phần do nguyên tắc đạo đức, một phần là vấn đề cần thiết thực tế và một phần vì lý do chính trị. Rất ít người Mỹ muốn tham gia vào các trận chiến tàn khốc tàn phá châu Âu và Wilson không muốn mạo hiểm để mất đi sự thúc đẩy của mình bằng cách ra lệnh can thiệp quân sự không phổ biến. Đối với Wilson, cuộc xung đột đã không đạt đến ngưỡng của một mệnh lệnh đạo đức đối với sự can dự của người Mỹ. Đây chủ yếu là một vấn đề châu Âu liên quan đến nhiều quốc gia mà Hoa Kỳ muốn duy trì quan hệ làm việc. Trong thông điệp gửi tới Quốc hội năm 1914, tổng thống lưu ý, Mỗi người đàn ông thực sự yêu nước Mỹ sẽ hành động và nói theo tinh thần trung lập thực sự, đó là tinh thần vô tư, công bằng và thân thiện với tất cả mọi người.

Wilson hiểu rằng ông đã xem xét một chiến dịch tái tranh cử khó khăn vào năm 1916. Ông chỉ giành chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 1912 với 42% số phiếu phổ thông, và có khả năng sẽ không được bầu chọn nếu Roosevelt không trở lại với tư cách là ứng cử viên của bên thứ ba để chạy đua với người bảo vệ cũ của mình Taft. Wilson cảm thấy áp lực từ tất cả các thành phần chính trị khác nhau để có một vị trí trong cuộc chiến, nhưng anh ta biết rằng cuộc bầu cử sẽ hiếm khi giành chiến thắng với một lời hứa trong chiến dịch tranh cử, nếu tôi được bầu, tôi sẽ gửi con trai của bạn đến chiến tranh! Các quan chức cảm thấy rằng việc bảo vệ lợi ích tốt nhất của nước Mỹ đòi hỏi một vị trí mạnh mẽ hơn trong việc bảo vệ các lực lượng Đồng minh, Wilson đã đồng ý với một chiến dịch chuẩn bị của người Hồi giáo trong năm trước cuộc bầu cử. Chiến dịch này bao gồm thông qua Đạo luật Quốc phòng năm 1916, tăng gấp đôi quy mô của quân đội lên gần 225.000, và Đạo luật Chiếm đoạt Hải quân năm 1916,

the expansion of the navy, including battleships, destroyers, submarines, and other ships.

kêu gọi mở rộng hải quân, bao gồm tàu chiến, tàu khu trục, tàu ngầm, và các tàu khác.

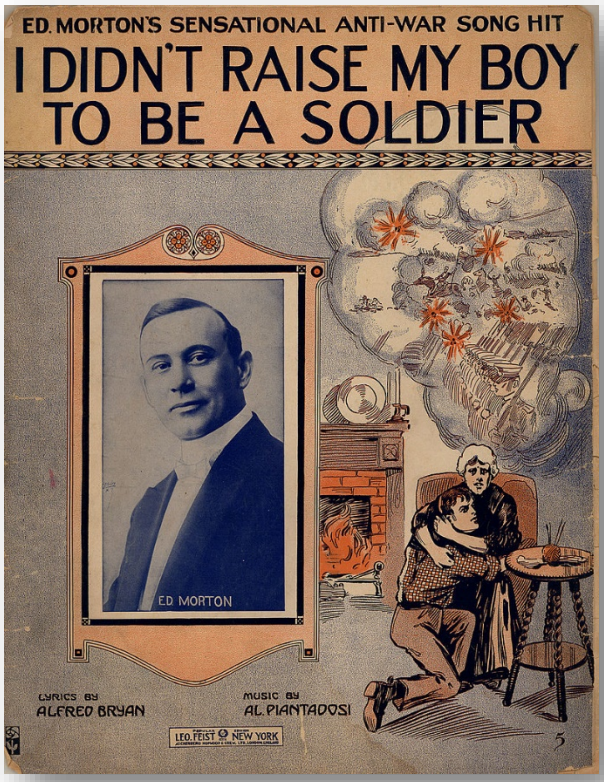

Primary Source: Sheet Music Cover

The war was a bonanza for publishers of sheet music. At a time before radio and record players were common, when most Americans purchased music to play themselves, certain songs were bestsellers. This particular song, was a hit before the United States joined the war. Afterward, "Over There" was the top choice of armature musicians.

As the 1916 election approached, the Republican Party hoped to capitalize on the fact that Wilson was making promises that he would not be able to keep. They nominated Charles Evans Hughes, a former governor of New York and sitting Supreme Court justice at the time of his nomination. Hughes focused his campaign on what he considered Wilson's foreign policy failures, but even as he did so, he himself tried to walk a fine line between neutrality and belligerence.

Khi cuộc bầu cử năm 1916 đến gần, Đảng Cộng hòa hy vọng sẽ tận dụng sự thật rằng Wilson đang đưa ra những lời hứa mà ông sẽ không thể giữ được. Họ đã đề cử Charles Evans Hughes, một cựu thống đốc của New York và ngồi tòa án tối cao tại thời điểm đề cử của ông. Hughes tập trung vào chiến dịch của mình vào những gì ông coi là thất bại trong chính sách đối ngoại của Wilson, nhưng ngay cả khi ông làm như vậy, bản thân ông đã cố gắng đi một ranh giới tốt đẹp giữa tính trung lập và hiếu chiến.

In contrast, Wilson and the Democrats capitalized on neutrality and campaigned under the slogan "He kept us out of war." The election itself remained too close to call on election night. Only when a tight race in California was decided two days later could Wilson claim victory in his reelection bid, again with less than 50% of the popular vote. Despite his victory based upon a policy of neutrality, Wilson would find true neutrality a difficult challenge. Several different factors pushed Wilson, however reluctantly, toward the inevitability of American involvement.

Ngược lại, Wilson và đảng Dân chủ đã tận dụng tính trung lập và vận động theo khẩu hiệu của ông. Ông giữ chúng tôi ra khỏi chiến tranh. Cuộc bầu cử vẫn còn quá gần để kêu gọi vào đêm bầu cử. Chỉ khi một cuộc đua chặt chẽ ở California được quyết định hai ngày sau, Wilson mới có thể giành chiến thắng trong cuộc đấu giá của mình, một lần nữa với ít hơn 50% số phiếu phổ biến. Mặc dù chiến thắng dựa trên chính sách trung lập, Wilson sẽ thấy tính trung lập thực sự là một thách thức khó khăn. Một số yếu tố khác nhau đã đẩy Wilson, tuy nhiên miễn cưỡng, hướng tới sự không thể tránh khỏi sự can dự của người Mỹ.

GOING TO WAR

It is hard to point to one key factor that made President Wilson and the American people change their mind about joining the war.

One key factor driving American engagement was economics. Great Britain was the country's most important trading partner, and the Allies as a whole relied heavily on American imports from the earliest days of the war. Specifically, the value of all exports to the Allies quadrupled from $750 million to $3 billion in the first two years of the war. At the same time, the British naval blockade meant that exports to Germany all but ended, dropping from $350 million to $30 million. Likewise, numerous private banks in the United States made extensive loans – in excess of $500 million – to England. J. P. Morgan's banking interests were among the largest lenders. Certainly, the war was good for business, and American bankers were eager to see the Allies win.

Another key factor in the decision to go to war were the deep ethnic divisions between native-born Americans and recent immigrants. For those of Anglo-Saxon descent, the nation's historic and ongoing relationship with Great Britain was paramount, but many Irish-Americans resented British rule over their place of birth and opposed support for the world's most expansive empire. Millions of Jewish immigrants had fled anti-Semitic pogroms in Tsarist Russia and would have supported any nation fighting that authoritarian state. German Americans saw their nation of origin as a victim of British and Russian aggression and a French desire to settle old scores, whereas emigrants from Austria-Hungary and the Ottoman Empire were mixed in their sympathies for the old monarchies or ethnic communities that these empires suppressed. For interventionists, this lack of support for Great Britain and its allies among recent immigrants only strengthened their conviction.

Germany's use of submarine warfare also played a role in challenging American neutrality. After the sinking of the Lusitania, and the subsequent August 30 sinking of another British liner, the Arabic, Germany had promised to restrict their use of submarine warfare. Specifically, they promised to surface and visually identify any ship before they fired, as well as permit civilians to evacuate targeted ships. Instead, in February 1917, Germany intensified their use of submarines in an effort to end the war quickly before Great Britain's naval blockade starved them out of food and supplies. The German high command wanted to continue unrestricted warfare on all Atlantic traffic, including unarmed American freighters, in order to cripple the British economy and secure a quick and decisive victory. Their goal was to bring an end to the war before the United States could

ĐI ĐẾN WAR

Thật khó để chỉ ra một yếu tố quan trọng khiến Tổng thống Wilson và người dân Mỹ thay đổi suy nghĩ về việc tham gia cuộc chiến.

Một yếu tố quan trọng thúc đẩy sự tham gia của người Mỹ là kinh tế. Vương quốc Anh là đối tác thương mại quan trọng nhất của đất nước, và các nước Đồng minh nói chung phụ thuộc rất nhiều vào hàng nhập khẩu của Mỹ từ những ngày đầu của cuộc chiến. Cụ thể, giá trị của tất cả hàng xuất khẩu sang Đồng minh tăng gấp bốn lần từ 750 triệu đô la lên 3 tỷ đô la trong hai năm đầu của cuộc chiến. Đồng thời, phong tỏa hải quân Anh có nghĩa là xuất khẩu sang Đức nhưng đã kết thúc, giảm từ 350 triệu đô la xuống còn 30 triệu đô la. Tương tự như vậy, nhiều ngân hàng tư nhân ở Hoa Kỳ đã thực hiện các khoản vay lớn - vượt quá 500 triệu đô la - cho Anh. J. P. Morgan Lợi ích ngân hàng là một trong những người cho vay lớn nhất. Chắc chắn, cuộc chiến rất tốt cho kinh doanh và các chủ ngân hàng Mỹ rất háo hức khi thấy quân Đồng minh giành chiến thắng.

Một yếu tố quan trọng khác trong quyết định tham chiến là sự phân chia sắc tộc sâu sắc giữa người Mỹ bản địa và người nhập cư gần đây. Đối với những người gốc Anglo-Saxon, mối quan hệ lịch sử và liên tục của quốc gia với Vương quốc Anh là điều tối quan trọng, nhưng nhiều người Mỹ gốc Ireland đã phẫn nộ cai trị Anh về nơi sinh của họ và phản đối sự ủng hộ đối với đế chế rộng lớn nhất thế giới. Hàng triệu người nhập cư Do Thái đã chạy trốn khỏi những người theo chủ nghĩa bài Do Thái ở Nga Sa hoàng và sẽ ủng hộ bất kỳ quốc gia nào chống lại nhà nước độc tài đó. Người Mỹ gốc Đức coi quốc gia gốc của họ là nạn nhân của sự xâm lược của Anh và Nga và mong muốn của Pháp để giải quyết các điểm số cũ, trong khi những người di cư từ Áo-Hung và Đế chế Ottoman trộn lẫn trong sự cảm thông của họ đối với các chế độ quân chủ hoặc cộng đồng dân tộc cũ mà các đế chế này đàn áp . Đối với những người can thiệp, việc thiếu sự hỗ trợ này đối với Vương quốc Anh và các đồng minh trong số những người nhập cư gần đây chỉ củng cố niềm tin của họ.

Đức sử dụng chiến tranh tàu ngầm cũng đóng một vai trò trong thách thức tính trung lập của Mỹ. Sau vụ chìm tàu Lusitania và ngày 30 tháng 8 sau đó chìm một tàu khác của Anh, Ả Rập, Đức đã hứa sẽ hạn chế sử dụng chiến tranh tàu ngầm. Cụ thể, họ hứa sẽ bề mặt và nhận dạng trực quan bất kỳ con tàu nào trước khi họ bắn, cũng như cho phép dân thường sơ tán các tàu mục tiêu. Thay vào đó, vào tháng 2 năm 1917, Đức tăng cường sử dụng tàu ngầm trong nỗ lực chấm dứt chiến tranh nhanh chóng trước khi phong tỏa hải quân Vương quốc Anh bỏ đói chúng khỏi thực phẩm và đồ tiếp tế. Bộ chỉ huy cấp cao của Đức muốn tiếp tục chiến tranh không giới hạn đối với tất cả giao thông Đại Tây Dương, bao gồm cả các tàu chở hàng Mỹ không vũ trang, để làm tê liệt nền kinh tế Anh và bảo đảm chiến thắng nhanh chóng và quyết định. Mục tiêu của họ là chấm dứt chiến tranh trước khi Hoa Kỳ có thể can thiệp và đưa ra số dư. Vào tháng 2 năm 1917, một chiếc

intervene and tip the balance. In February 1917, a German U-boat sank the American merchant ship, the Laconia, killing two passengers, and, in late March, sunk four more American ships. These attacks increased pressure on Wilson from all sides, as government officials, the general public, and both Democrats and Republicans urged him to declare war.

thuyền U của Đức đã đánh chìm tàu buôn Mỹ, Laconia, giết chết hai hành khách và vào cuối tháng 3, đã đánh chìm thêm bốn tàu Mỹ. Những cuộc tấn công này làm tăng áp lực lên Wilson từ mọi phía, khi các quan chức chính phủ, công chúng nói chung, và cả đảng Dân chủ và Cộng hòa kêu gọi ông tuyên chiến.

Primary Source: Editorial Cartoon

In this cartoon, Germany is seen as the devil tempting poor Mexico with the American Southwest. The publication of the Zimmermann Telegram infuriated Americans.

The final element that led to American involvement in World War I was the so-called **Zimmermann telegram**. British intelligence intercepted and decoded a top-secret telegram from German foreign minister Arthur Zimmermann to the German ambassador to Mexico, instructing him to invite Mexico to join the war effort on the German side, should the United States declare war on Germany. It went on to encourage Mexico to invade the United States, as Mexico's invasion would create a diversion and permit Germany a clear path to victory. In exchange, Zimmermann offered to return to Mexico land that was previously lost to the United States in the Mexican-American War, including Arizona, New Mexico, and Texas.

Yếu tố cuối cùng dẫn đến sự tham gia của người Mỹ trong Thế chiến I là cái gọi là điện báo Zimmermann. Tình báo Anh đã chặn và giải mã một bức điện tín tuyệt mật từ ngoại trưởng Đức Arthur Zimmermann đến đại sứ Đức tại Mexico, hướng dẫn ông mời Mexico tham gia nỗ lực chiến tranh về phía Đức, nếu Hoa Kỳ tuyên chiến với Đức. Nó tiếp tục khuyến khích Mexico xâm chiếm Hoa Kỳ, vì cuộc xâm lược Mexico Mexico sẽ tạo ra một cuộc nghi binh và cho phép Đức có một con đường rõ ràng để chiến thắng. Đổi lại, Zimmermann đề nghị quay trở lại vùng đất Mexico trước đây đã bị mất ở Hoa Kỳ trong Chiến tranh Mỹ-Mexico, bao gồm Arizona, New Mexico và Texas.

The likelihood that Mexico, weakened and torn by its own revolution and civil war, could wage war against the United States and recover territory lost in the Mexican-American war, especially since Germany

Khả năng Mexico, suy yếu và bị xâu xé bởi cuộc cách mạng và nội chiến của chính mình, có thể gây chiến với Hoa Kỳ và phục hồi lãnh thổ đã mất trong cuộc chiến tranh Mỹ-Mexico, đặc biệt là vì Đức sẽ không có cách nào để giúp đỡ người Mexico, là điều tốt nhất . Tuy

would have no way to help the Mexicans, was remote at best. However, combined with Germany's unrestricted use of submarine warfare and the sinking of American ships, the Zimmermann telegram made a powerful argument for a declaration of war. The outbreak of a **communist revolution in Russia** in February and abdication of Tsar Nicholas II in March raised the prospect of democracy in Russia and removed an important moral objection to entering the war on the side of the Allies. On April 2, 1917, **Wilson asked Congress to declare war** on Germany.

nhiên, kết hợp với việc Đức không bị hạn chế sử dụng chiến tranh tàu ngầm và đánh chìm tàu Mỹ, bức điện tín Zimmermann đã đưa ra một lập luận mạnh mẽ cho lời tuyên chiến. Sự bùng nổ của một cuộc cách mạng cộng sản ở Nga vào tháng 2 và sự thoái vị của Sa hoàng Nicholas II vào tháng 3 đã làm tăng triển vọng dân chủ ở Nga và xóa bỏ một sự phản đối đạo đức quan trọng để tham gia vào cuộc chiến tranh về phía phe Đồng minh. Vào ngày 2 tháng 4 năm 1917, Wilson yêu cầu Quốc hội tuyên chiến với Đức.

Congress debated for four days, and several senators and congressmen expressed their concerns that the war was being fought over economic interests more than strategic need or democratic ideals. When Congress voted on April 6, fifty-six voted against the resolution, including the first woman ever elected to Congress, Representative Jeannette Rankin. This was the largest "no" vote against a war resolution in American history. All the same, the United States had entered the Great War on the side of the Allies.

Quốc hội đã tranh luận trong bốn ngày, và một số thượng nghị sĩ và nghị sĩ bày tỏ lo ngại rằng cuộc chiến đang được đấu tranh vì lợi ích kinh tế hơn là nhu cầu chiến lược hoặc lý tưởng dân chủ. Khi Quốc hội bỏ phiếu vào ngày 6 tháng 4, năm mươi sáu người đã bỏ phiếu chống lại nghị quyết, bao gồm cả người phụ nữ đầu tiên được bầu vào Quốc hội, Đại diện Jeannette Rankin. Đây là cuộc bỏ phiếu lớn nhất của No no đối với một nghị quyết chiến tranh trong lịch sử Hoa Kỳ. Tất cả đều giống nhau, Hoa Kỳ đã tham gia Đại chiến bên phe Đồng minh.

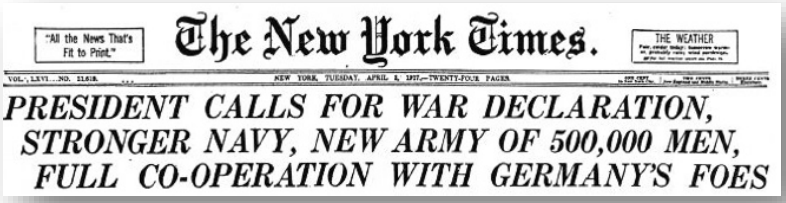

"All the News That's Fit to Print."

The New York Times.

THE WEATHER

VOL. LXVI...NO. 21,618. NEW YORK, TUESDAY, APRIL 3, 1917.—TWENTY-FOUR PAGES.

PRESIDENT CALLS FOR WAR DECLARATION, STRONGER NAVY, NEW ARMY OF 500,000 MEN, FULL CO-OPERATION WITH GERMANY'S FOES

Primary Source: Newspaper

The headlines on the day Wilson delivered his war message to congress.

CONCLUSION

PHẦN KẾT LUẬN

Wilson wanted to the United States to lead the world toward a path of honest international friendship. He believed that both nations and people were inherently good and could live peacefully if they chose to. However, again and again during 1915, 1916 and 1917 he was proven wrong. European powers were sending their finest young men to be slaughtered on the battlefield and Germany's high command ignored American claims of neutrality and sank passenger ships without warning.

Wilson muốn Hoa Kỳ dẫn dắt thế giới hướng tới một con đường hữu nghị quốc tế trung thực. Ông tin rằng cả hai quốc gia và người dân vốn đã tốt và có thể sống hòa bình nếu họ chọn. Tuy nhiên, hết lần này đến lần khác trong suốt 1915, 1916 và 1917, ông đã được chứng minh là sai. Các cường quốc châu Âu đang phái những thanh niên tốt nhất của họ bị tàn sát trên chiến trường và chỉ huy cấp cao của Đức, phớt lờ tuyên bố trung lập của Mỹ và đánh chìm các tàu chở khách mà không báo trước.

Maybe Wilson's dream of moral diplomacy was just a dream, something that sounded good in a diplomat's imagination but was never going to be possible when he opened his eyes and looked around at the real world.

Có lẽ giấc mơ ngoại giao đạo đức của Wilson chỉ là một giấc mơ, một điều nghe có vẻ tốt trong trí tưởng tượng của nhà ngoại giao nhưng không bao giờ có thể thực hiện được khi anh mở mắt và nhìn xung quanh vào thế giới thực.

What do you think? Is Wilson's idea of moral diplomacy possible?

Bạn nghĩ sao? Là Wilson ý tưởng của ngoại giao đạo đức có thể?

CONCLUSION

World War I was not originally a war that involved the United States. It started in Europe between the major European powers. Over the few decades before the war began, the Europeans had settled themselves into two groups. The Central Powers included Germany, Austria-Hungary and Italy. The Triple Entente was made up of the United Kingdom, France and Russia. The alliances were intended to provide support in case of attack, but they also had disastrous consequences.

The war began because the heir to the thrown of Austria-Hungary was murdered. Austria-Hungary blamed Serbia, which asked for help from Russia. Austria-Hungary asked for help from Germany, and then Russia turned to its friends France and the United Kingdom. By August of 1914, the major powers found themselves going to war. Most historians see it as a terrible mistake – a time when politicians failed to think calmly and take the time necessary to avoid doing things they couldn't later undo.

All wars are terrible, but World War I was especially bad. Modern technology meant that armies could bring machine guns, gigantic cannons, land mines, barbed wire and poison gas to the battlefield. Humans were no match for these potent defensive weapons and inventors had not yet found ways to counter them. The result was a slaughter. Millions of men climbed out of their trenches and marched into a wall of bullets. Also deadly were submarines called U-Boats, which the Germanys had mastered.

For the first few years of the war, the United States remained neutral. Although most Americans supported the British, French and Russians, they did not want to join the fighting.

Eventually, however, President Wilson asked Congress to declare war because of a combination of factors. The Germans began attacking American ships that were carrying supplies to trade with the United Kingdom and France. Probably the final straw was that Americans learned of a plot to convince Mexico to attack the United States. The idea probably had no chance of success, but it made Americans angry enough to join the war.

TÓM LƯỢC

Chiến tranh thế giới thứ nhất không phải là một cuộc chiến có liên quan đến Hoa Kỳ. Nó bắt đầu ở châu Âu giữa các cường quốc châu Âu. Trong vài thập kỷ trước khi chiến tranh bắt đầu, người châu Âu đã tự giải quyết thành hai nhóm. Các cường quốc trung ương bao gồm Đức, Áo-Hungary và Ý. Triple Entente được tạo thành từ Vương quốc Anh, Pháp và Nga. Các liên minh được dự định cung cấp hỗ trợ trong trường hợp bị tấn công, nhưng họ cũng có hậu quả tai hại.

Chiến tranh bắt đầu vì người thừa kế ném Áo-Hung bị sát hại. Áo-Hungary đổ lỗi cho Serbia, nơi yêu cầu sự giúp đỡ từ Nga. Áo-Hungary yêu cầu sự giúp đỡ từ Đức, và sau đó Nga chuyển sang bạn bè Pháp và Vương quốc Anh. Đến tháng 8 năm 1914, các cường quốc thấy mình sẽ tham chiến. Hầu hết các nhà sử học coi đó là một sai lầm khủng khiếp - thời điểm mà các chính trị gia không suy nghĩ bình tĩnh và dành thời gian cần thiết để tránh làm những việc họ không thể làm được sau đó.

Tất cả các cuộc chiến đều khủng khiếp, nhưng Thế chiến thứ nhất đặc biệt tồi tệ. Công nghệ hiện đại có nghĩa là quân đội có thể mang súng máy, đại bác khổng lồ, mìn trên mặt đất, dây thép gai và khí độc ra chiến trường. Con người không thể sánh được với những vũ khí phòng thủ mạnh mẽ này và các nhà phát minh chưa tìm ra cách để chống lại chúng. Kết quả là một cuộc tàn sát. Hàng triệu người đàn ông trèo ra khỏi chiến hào và hành quân vào một bức tường đạn. Cũng nguy hiểm chết người là các tàu ngầm được gọi là U-Boats, mà người Đức đã thành thạo.

Trong vài năm đầu của cuộc chiến, Hoa Kỳ vẫn trung lập. Mặc dù hầu hết người Mỹ ủng hộ người Anh, Pháp và Nga, họ không muốn tham gia chiến đấu.

Tuy nhiên, cuối cùng, Tổng thống Wilson đã yêu cầu Quốc hội tuyên chiến vì sự kết hợp của nhiều yếu tố. Người Đức bắt đầu tấn công các tàu Mỹ đang chở hàng tiếp tế với Anh và Pháp. Có lẽ rơm cuối cùng là người Mỹ đã học được một âm mưu để thuyết phục Mexico tấn công Hoa Kỳ. Ý tưởng có lẽ không có cơ hội thành công, nhưng nó khiến người Mỹ đủ tức giận để tham gia cuộc chiến.

KEY CONCEPTS

Trench Warfare: Style of combat common on the Western Front during World War I marked by a distinct advantage for the defense.

Neutrality: Refusing to join sides in a war.

LOCATIONS

Triple Entente: Alliance between the United Kingdom, France and Russia at the start of World War I

Triple Alliance / Central Powers: Alliance between Germany, Austria-Hungary and Italy at the start of World War I. When the war began, Italy left the alliance.

LAWS

National Defense Act: 1916 law that doubled the size of the army. It was passed to help prepare for the possibility of entering World War I.

Naval Appropriations Act: 1916 law that funded construction of new ships in preparation for the possibility of entering World War I.

PEOPLE AND GROUPS

Queen Victoria: Queen of the United Kingdom from 1837-1901. The time period is often called the Victorian Era.

Wilhelm II: King or Kaiser of Germany during World War I

Archduke Franz Ferdinand: Son of the king of Austria-Hungary who was assassinated in 1914 along with his wife. Their deaths were the spark that started World War I.

EVENTS

Assassination of Franz Ferdinand: Killing of the heir to the throne of Austria-Hungary in 1914 that served as the catalyst for World War I.

The Great War: Nickname for World War I.

Russian Revolution: Overthrow of the Czar of Russia during World War I. Communists under the leadership of Vladimir Lenin eventually took control, founded the Soviet Union, and made peace with Germany.

TEXTS

Zimmermann Telegram: Message from the Germany foreign minister to the German ambassador in Mexico encouraging Mexico to enter World War I on the side of the Central Powers. In return, Germany would help Mexico regain lost territory in the American Southwest. The publication of the message angered many Americans.

SPEECHES

Wilson's War Message: Speech by President Woodrow Wilson to Congress in 1917 asking for a declaration of War.

SHIPS

U-Boat: Germany submarine.

Lusitania: British cruise ship that was sunk by Germany U-Boats in 1918. The event pushed many Americans toward support for entering the war on the side of the Allies.

2 SECOND QUESTION
ARE RESTRICTIONS ON BASIC FREEDOMS JUSTIFIED IN TIMES OF CRISIS?

INTRODUCTION

The First World War was a total war. In previous wars, expectations were placed on civilians for food and clothing, but modern communication and technology brought about by the industrial revolution required an all-out effort from the entire population. Without the support of civilians, failure was certain. Governments used every form means of communication imaginable to spread pro-war propaganda. American efforts geared to winning World War I amounted to nothing less than a national machine.

During peacetime, businesses buy and sell, invest, succeed and fail on their own, with little or no interference from the government. That is what has made America's economy so powerful for so long. However, during wartime, the wheels of commerce needed to be tuned toward production of military equipment, and the nation's food supply, as well as the means of transportation and communication all needed to be coordinated to ensure maximum support for the war effort. Victory depended on total support for the war.

The result was a tremendous increase in federal power as the government took over the job of managing the food supply, the railroad systems, the communications networks, industry, labor relations, and even took on the role of advertiser in order to promote pro-war attitudes among the public. Never before in American history had the government been so powerful.

Was this a good idea? Government control of the economy seemed like a way to increase the nation's chances of winning the war, but it also limited the ability of individuals to make economic decisions for themselves. The government even passed laws limiting what people could say or write in their effort to promote 100% support for the war.

What do you think? Are restrictions on basic freedoms justified in times of crisis?

GIỚI THIỆU

Chiến tranh thế giới thứ nhất là một cuộc chiến tổng lực. Trong các cuộc chiến trước đây, người ta kỳ vọng vào dân thường về thực phẩm và quần áo, nhưng truyền thông và công nghệ hiện đại do cuộc cách mạng công nghiệp mang lại đòi hỏi nỗ lực toàn diện của toàn dân. Không có sự hỗ trợ của thường dân, thất bại là điều chắc chắn. Chính phủ sử dụng mọi hình thức truyền thông có thể tưởng tượng để truyền bá tuyên truyền ủng hộ chiến tranh. Những nỗ lực của Mỹ hướng đến chiến thắng trong Thế chiến thứ nhất không thua gì một cỗ máy quốc gia.

Trong thời bình, các doanh nghiệp mua và bán, đầu tư, thành công và tự mình thất bại, với rất ít hoặc không có sự can thiệp nào từ chính phủ. Đó là những gì đã làm cho nền kinh tế của Mỹ rất mạnh mẽ trong một thời gian dài. Tuy nhiên, trong thời chiến, các bánh xe thương mại cần được điều chỉnh theo hướng sản xuất thiết bị quân sự và nguồn cung cấp thực phẩm quốc gia, cũng như các phương tiện giao thông và liên lạc cần được phối hợp để đảm bảo hỗ trợ tối đa cho nỗ lực chiến tranh. Chiến thắng phụ thuộc vào tổng số hỗ trợ cho cuộc chiến.

Kết quả là sự gia tăng mạnh mẽ của quyền lực liên bang khi chính phủ đảm nhận công việc quản lý nguồn cung cấp thực phẩm, hệ thống đường sắt, mạng lưới thông tin liên lạc, ngành công nghiệp, quan hệ lao động, và thậm chí đảm nhận vai trò của nhà quảng cáo để thúc đẩy chiến tranh ủng hộ thái độ của công chúng. Chưa bao giờ trong lịch sử nước Mỹ, chính phủ lại mạnh đến thế.

Đây có phải là một ý tưởng tốt? Sự kiểm soát của chính phủ đối với nền kinh tế dường như là một cách để tăng cơ hội chiến thắng cho quốc gia, nhưng nó cũng hạn chế khả năng của các cá nhân trong việc đưa ra quyết định kinh tế cho chính họ. Chính phủ thậm chí đã thông qua luật giới hạn những gì mọi người có thể nói hoặc viết trong nỗ lực của họ để thúc đẩy 100% hỗ trợ cho cuộc chiến.

Bạn nghĩ sao? Là những hạn chế đối với các quyền tự do cơ bản được biện minh trong thời kỳ khủng hoảng?

MOBILIZING THE NATION

Wilson knew that the key to America's success in war lay largely in its preparation. With both the Allied and enemy forces entrenched in battles of attrition in thousands of miles of trenches, and supplies running low on both sides, the United States needed, first and foremost, to secure enough men, money, food, and supplies to be successful.

In 1917, when the United States declared war on Germany, the army ranked seventh in the world in terms of size, with an estimated 200,000 enlisted men. In contrast, at the outset of the war in 1914, the German force included 4.5 million men, and the country ultimately mobilized over eleven million soldiers over the course of the entire war.

To compose a fighting force, Congress passed the **Selective Service Act** in 1917, which required all men aged 21 through 30 to register for the **draft**. In 1918, the act was expanded to include all men between 18 and 45. By way of the draft, the government could enlist men into the military whether they volunteered or not.

Through a campaign of patriotic appeals, as well as an administrative system that allowed men to register at their local draft boards rather than directly with the federal government, over ten million men registered for the draft on the very first day. By the war's end, twenty-two million men had registered for the draft. Five million of these men

HUY ĐỘNG

Wilson biết rằng chìa khóa thành công của Mỹ trong chiến tranh chủ yếu nằm ở sự chuẩn bị. Với cả hai lực lượng Đồng minh và kẻ thù cố thủ trong các trận chiến tiêu hao trong hàng ngàn dặm của chiến hào, và nguồn cung cấp đang ở mức thấp trên cả hai mặt, nước Mỹ cần thiết, đầu tiên và quan trọng nhất, để đảm bảo đủ đàn ông, tiền bạc, thực phẩm, vật tư để thành công .

Năm 1917, khi Hoa Kỳ tuyên chiến với Đức, quân đội đứng thứ bảy trên thế giới về quy mô, với ước tính khoảng 200.000 người nhập ngũ. Ngược lại, vào đầu cuộc chiến năm 1914, lực lượng Đức gồm 4,5 triệu người và cuối cùng nước này đã huy động được hơn mười triệu binh sĩ trong suốt cuộc chiến.

Để thành lập một lực lượng chiến đấu, Quốc hội đã thông qua Đạo luật dịch vụ chọn lọc vào năm 1917, yêu cầu tất cả nam giới từ 21 đến 30 tuổi phải đăng ký dự thảo. Năm 1918, đạo luật được mở rộng để bao gồm tất cả đàn ông từ 18 đến 45. Bằng cách dự thảo, chính phủ có thể tranh thủ đàn ông vào quân đội cho dù họ có tình nguyện hay không.

Primary Source: Photograph

Men lined up to register for the draft early in the war.

Thông qua một chiến dịch kêu gọi yêu nước, cũng như một hệ thống hành chính cho phép đàn ông đăng ký tại các ban dự thảo địa phương thay vì trực tiếp với chính phủ liên bang, hơn mười triệu người đã đăng ký dự thảo vào ngày đầu tiên. Đến cuối cuộc chiến, hai mươi hai triệu người đã đăng ký dự thảo. Năm triệu người đàn ông này đã thực sự được soạn thảo, 1,5 triệu

were actually drafted, another 1.5 million volunteered, and over 500,000 additional men signed up for the navy or marines. In all, two million men participated in combat operations overseas. Among the volunteers were also twenty thousand women, a quarter of whom went to France to serve as nurses or in clerical positions.

người khác tình nguyện và hơn 500.000 người khác đã đăng ký cho hải quân hoặc thủy quân lục chiến. Tổng cộng, hai triệu người đã tham gia các hoạt động chiến đấu ở nước ngoài. Trong số các tình nguyện viên cũng có hai mươi ngàn phụ nữ, một phần tư trong số họ đã đến Pháp để làm y tá hoặc ở các vị trí giáo sĩ.

Certainly, many Americans were enthusiastic about supporting their country. Some of the most eager were recent immigrants from Europe and their children, since serving in the army was a way to demonstrate patriotism and love for their new country. However, the draft also provoked opposition, and almost 350,000 eligible Americans refused to register for military service. About 65,000 of these defied the conscription law as **conscientious objectors**, mostly on the grounds of their deeply held religious beliefs. Such opposition was not without risks, and whereas most objectors were never prosecuted, those who were found guilty at military hearings received stiff punishments. Courts handed down over two hundred prison sentences of twenty years or more, and seventeen death sentences for Americans who refused to join the military.

Chắc chắn, nhiều người Mỹ đã nhiệt tình ủng hộ đất nước của họ. Một số người háo hức nhất là những người nhập cư gần đây từ châu Âu và con cái của họ, vì phục vụ trong quân đội là một cách để thể hiện lòng yêu nước và tình yêu đối với đất nước mới của họ. Tuy nhiên, dự thảo cũng gây ra sự phản đối và gần 350.000 người Mỹ đủ điều kiện đã từ chối đăng ký nghĩa vụ quân sự. Khoảng 65.000 trong số này đã bất chấp luật bắt buộc là những người phản đối có lương tâm, chủ yếu dựa trên niềm tin tôn giáo được giữ vững của họ. Sự phản đối như vậy không phải là không có rủi ro, và trong khi hầu hết những người phản đối không bao giờ bị truy tố, những người bị kết tội tại các phiên điều trần quân sự đã nhận những hình phạt nghiêm khắc. Các tòa án đã truyền lại hai trăm án tù từ hai mươi năm trở lên, và mười bảy án tử hình cho những người Mỹ từ chối tham gia quân đội.

There was a sinister side to the war hysteria. Wars seem to bring out the worst prejudices in people, and since many Americans could not discern between enemies abroad and enemies at home, German-Americans became targets for countless hate crimes. On a local level, schoolchildren were pummeled on schoolyards, and yellow paint was splashed on front doors. One German-American was lynched by a mob in Collinsville, Illinois.

Có một mặt nham hiểm với sự cuồng loạn chiến tranh. Các cuộc chiến dường như đưa ra những định kiến tồi tệ nhất đối với con người, và vì nhiều người Mỹ không thể phân biệt được giữa kẻ thù ở nước ngoài và kẻ thù ở nhà, người Mỹ gốc Đức trở thành mục tiêu cho vô số tội ác căm thù. Ở cấp độ địa phương, học sinh bị dồn nén trên sân trường và sơn màu vàng bị văng ra trước cửa. Một người Mỹ gốc Đức đã bị một đám đông ở Collinsville, Illinois nới lỏng.

Anti-German sentiment was so extreme in some places that the stories of what happened strike modern students of history as silly. Colleges and high schools stopped teaching the German language. The city of Cincinnati banned pretzels, and esteemed city orchestras refused to play music by German composers. Hamburgers, sauerkraut, and frankfurters became known as liberty meat, liberty cabbage, and hot dogs. Even the temperance movement received a boost by linking beer drinking with support for Germany.

Tình cảm chống Đức cực kỳ ở một số nơi đang tấn công các sinh viên lịch sử hiện đại là ngớ ngẩn. Các trường cao đẳng và trung học đã ngừng dạy tiếng Đức. Thành phố Cincinnati cấm bánh quy, và các dàn nhạc thành phố đáng kính đã từ chối chơi nhạc của các nhà soạn nhạc Đức. Bánh mì kẹp thịt, dưa cải bắp, và những người thích ăn vặt được biết đến như thịt tự do, bắp cải tự do và xúc xích. Ngay cả phong trào ôn hòa cũng nhận được sự thúc đẩy bằng cách liên kết uống bia với sự hỗ trợ cho Đức.

THE POWER OF GOVERNMENT

Sức mạnh của chính phủ

World War I led to important changes in the federal government's relationship with business. Notably, the government gave itself enormous power to direct and regulate private enterprise.

Chiến tranh thế giới thứ nhất đã dẫn đến những thay đổi quan trọng trong mối quan hệ của chính phủ liên bang với doanh nghiệp. Đáng chú ý, chính phủ đã trao cho mình quyền lực to lớn để chỉ đạo và điều tiết doanh nghiệp tư nhân.

With the size of the army growing, the government needed to ensure that there were adequate supplies, in particular food and fuel, for both the soldiers and the home front. Concerns over shortages led to the passage of the **Lever Act**, also called the **Food and Fuel Control Act**, which empowered the president to control the production,

Với quy mô của quân đội ngày càng tăng, chính phủ cần phải đảm bảo có đủ nguồn cung cấp, đặc biệt là thực phẩm và nhiên liệu, cho cả binh lính và mặt trận gia đình. Những lo ngại về sự thiếu hụt đã dẫn đến Đạo luật đòn bẩy, còn được gọi là Đạo luật kiểm soát thực phẩm và nhiên liệu, trao quyền cho tổng thống kiểm

distribution, and price of all food products during the war effort. Using this law, Wilson created both a Fuel Administration and a Food Administration. The **Fuel Administration**, run by Harry Garfield, created the concept of fuel holidays, encouraging civilian Americans to do their part for the war effort by rationing fuel on certain days. Garfield also implemented **daylight savings time** for the first time in American history, shifting the clocks to allow more productive daylight hours. **Herbert Hoover** coordinated the **Food Administration**, and he too encouraged volunteer rationing by invoking patriotism. With the slogan "food will win the war," Hoover encouraged "Meatless Mondays," "Wheatless Wednesdays," and other similar reductions, with the hope of rationing food for military use.

soát việc sản xuất, phân phối và giá cả của tất cả các sản phẩm thực phẩm trong nỗ lực chiến tranh. Sử dụng luật này, Wilson đã tạo ra cả Quản lý nhiên liệu và Quản lý thực phẩm. Cục quản lý nhiên liệu, được điều hành bởi Harry Garfield, đã tạo ra khái niệm về ngày lễ nhiên liệu, khuyến khích người Mỹ dân sự tham gia vào nỗ lực chiến tranh bằng cách phân phối nhiên liệu vào một số ngày nhất định. Garfield cũng thực hiện lần đầu tiên tiết kiệm thời gian ban ngày trong lịch sử Hoa Kỳ, thay đổi đồng hồ để cho phép giờ ban ngày hiệu quả hơn. Herbert Hoover điều phối Cục Quản lý Thực phẩm, và ông cũng khuyến khích khẩu phần tình nguyện bằng cách khơi gợi lòng yêu nước. Với slogan thực phẩm sẽ chiến thắng trong cuộc chiến,, ông Hoo Hoover khuyến khích Thứ Hai không thịt, ăn tối thứ Tư, lúa mì và các món giảm tương tự khác, với hy vọng phân phối thực phẩm cho mục đích quân sự.

Primary Source: Propaganda Poster

While British, French, German and other European farmers were fighting fighting, American farmers provided the food that save the lives of much of the population of Europe.

Wilson also created the **War Industries Board**, run by **Bernard Baruch**, to ensure adequate military supplies. The War Industries Board had the power to direct shipments of raw materials, as well as to control government contracts with private producers. Baruch used lucrative contracts with guaranteed profits to encourage several private firms to shift their production over to wartime materials. For those firms that refused to cooperate, Baruch's government control over raw materials provided him with the necessary leverage to convince them to join the war effort, willingly or not.

Wilson cũng thành lập Hội đồng Công nghiệp Chiến tranh, do Bernard Baruch điều hành, để đảm bảo cung cấp đủ quân sự. Hội đồng Công nghiệp War có quyền chỉ đạo các lô hàng nguyên liệu thô, cũng như kiểm soát các hợp đồng của chính phủ với các nhà sản xuất tư nhân. Baruch đã sử dụng các hợp đồng béo bở với lợi nhuận được đảm bảo để khuyến khích một số công ty tư nhân chuyển sản xuất sang nguyên liệu thời chiến. Đối với những công ty từ chối hợp tác, chính phủ Baruch, kiểm soát nguyên liệu thô cung cấp cho ông đòn bẩy cần thiết để thuyết phục họ tham gia nỗ lực chiến tranh, dù muốn hay không.

As a way to move all the personnel and supplies around the country efficiently, Congress created the **U.S. Railroad Administration**. Wilson appointed William McAdoo, the Secretary of the Treasury, to lead this agency, which had extraordinary war powers to control the entire railroad industry, including traffic, terminals, rates, and wages.

Như một cách để di chuyển tất cả nhân sự và nguồn cung cấp trên toàn quốc một cách hiệu quả, Quốc hội đã tạo ra Cơ quan Quản lý Đường sắt Hoa Kỳ. Wilson bổ nhiệm William McAdoo, Bộ trưởng Tài chính, lãnh đạo cơ quan này, có quyền lực chiến tranh phi thường để kiểm soát toàn bộ ngành đường sắt, bao gồm giao thông, nhà ga, giá cước và tiền lương.

Almost all the practical steps were in place for the United States to fight a successful war. The only step remaining was to figure out how to pay for it. The war effort was costly, with an eventual price tag in excess of $32 billion by 1920, and the government needed to finance it. The **Liberty Loan Act** allowed the federal government to sell liberty bonds to the American public, extolling citizens to "do their part" to help the war effort and bring the troops home. The government ultimately raised $23 billion through liberty bonds. Additional funding came from the government's use of federal income tax revenue, which was made possible by the passage of the Sixteenth Amendment to the Constitution in 1913. With the financing, transportation, equipment, food, and men in place, the United States was ready to enter the war. The next piece the country needed was public support.

Hầu như tất cả các bước thực tế đã được đưa ra để Hoa Kỳ chiến đấu trong một cuộc chiến thành công. Bước duy nhất còn lại là tìm ra cách trả tiền cho nó. Nỗ lực chiến tranh là tốn kém, với một mức giá cuối cùng vượt quá 32 tỷ đô la vào năm 1920, và chính phủ cần phải tài trợ cho nó. Đạo luật cho vay tự do cho phép chính phủ liên bang bán trái phiếu tự do cho công chúng Mỹ, tống tiền công dân đến thành phố của họ để giúp đỡ nỗ lực chiến tranh và đưa quân đội về nước. Chính phủ cuối cùng đã huy động được 23 tỷ đô la thông qua trái phiếu tự do. Các khoản tiền bổ sung đến từ việc chính phủ sử dụng nguồn thu thuế thu nhập liên bang, điều này có thể được thực hiện thông qua Dự thảo sửa đổi Hiến pháp lần thứ sáu năm 1913. Với việc cung cấp tài chính, vận chuyển, thiết bị, thực phẩm và đàn ông, Hoa Kỳ đã sẵn sàng tham gia cuộc chiến. Phần tiếp theo mà đất nước cần là sự hỗ trợ của cộng đồng.

LIMITING FREEDOMS

GIỚI HẠN TỰ DO

Although all the physical pieces required to fight a war fell quickly into place, the question of national unity was another concern. The American public was divided on the subject of entering the war. While many felt it was the only choice, others protested strongly, feeling it was not America's war to fight.

Mặc dù tất cả các phần vật lý cần thiết để chống lại một cuộc chiến nhanh chóng rơi vào vị trí, câu hỏi về đoàn kết dân tộc là một mối quan tâm khác. Công chúng Mỹ bị chia rẽ về chủ đề tham gia cuộc chiến. Trong khi nhiều người cảm thấy đó là lựa chọn duy nhất, những người khác phản đối mạnh mẽ, cảm thấy đó không phải là cuộc chiến tranh Mỹ.

Wilson needed to ensure that a nation of diverse immigrants, with ties to both sides of the conflict, thought of themselves as American first, and their home country's nationality second. Wilson created the **Committee on Public Information** under the direction of **George Creel** to create and disseminate **propaganda**. Creel used every possible medium imaginable to raise American consciousness. He organized rallies and parades. He commissioned popular musicians to write patriotic songs intended to stoke the fires of American nationalism.

Wilson cần phải đảm bảo rằng một quốc gia của những người nhập cư đa dạng, có mối quan hệ với cả hai bên của cuộc xung đột, đã nghĩ rằng họ là người Mỹ đầu tiên, và quốc gia của họ là quốc tịch thứ hai. Wilson đã tạo ra Ủy ban về Thông tin công cộng dưới sự chỉ đạo của George Creel để tạo và phổ biến tuyên truyền. Creel đã sử dụng mọi phương tiện có thể tưởng tượng để nâng cao ý thức của người Mỹ. Ông tổ chức các cuộc mít tinh và diễu hành. Ông ủy thác cho các nhạc sĩ nổi tiếng viết những bài hát yêu nước nhằm khơi dậy ngọn lửa của chủ nghĩa dân tộc Mỹ. Một bài hát, Over there đã trở thành một tiêu chuẩn qua đêm. Các nghệ sĩ

One song, **Over There** became an overnight standard. Artists illustrated dozens of posters urging Americans to do everything from preserving coal to enlisting in the service. The famous image of Uncle Sam staring at young American men declaring "I Want You for the U.S. Army" was a creation of the World War I propaganda campaign. An army of Four-Minute Men swept the nation making short, but poignant, powerful speeches. Films and plays added to the fervor. The Creel Committee effectively raised national spirit and engaged millions of Americans in the business of winning the war.

minh họa hàng chục áp phích kêu gọi người Mỹ làm mọi thứ, từ bảo quản than đá để tranh thủ phục vụ. Hình ảnh nổi tiếng về chú Sam nhìn chằm chằm vào những người đàn ông trẻ tuổi người Mỹ tuyên bố về I I You You cho quân đội Hoa Kỳ là một sáng tạo của chiến dịch tuyên truyền trong Thế chiến thứ nhất. Một đội quân gồm bốn người đàn ông quét qua đất nước những bài phát biểu ngắn nhưng sâu sắc, mạnh mẽ. Phim và vở kịch được thêm vào sự nhiệt thành. Ủy ban Creel đã nâng cao tinh thần quốc gia một cách hiệu quả và lôi kéo hàng triệu người Mỹ tham gia vào chiến thắng.

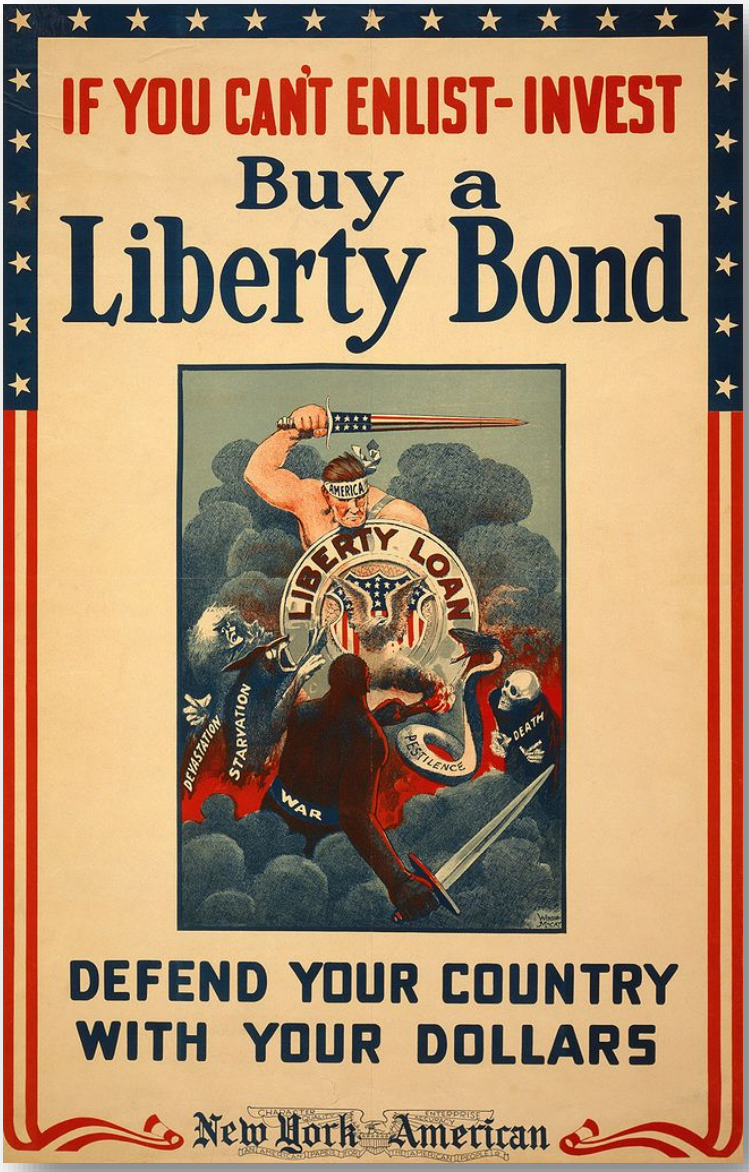

Primary Source: Propaganda Poster

Images like these were important elements of the government's propaganda campaign to convince Americans to support the war effort.

Still there were dissenters. The American Socialist Party condemned the war effort. Many Irish-Americans displayed contempt for Britain, who they saw as an enemy rather than an ally. Millions of immigrants from Germany and Austria-Hungary were forced to support initiatives that could destroy their homelands. Although all of this dissent was rather small, the government stifled wartime opposition by law with the passing of the **Espionage and Sedition Acts** of 1917. Anyone found guilty of criticizing the government war policy or hindering wartime directives could be sent to jail. Many cried that this was a flagrant violation of precious civil liberties, including the right to free speech. The Supreme Court handed down a landmark decision on this issue in the **Schenck v. United States** verdict. The majority court opinion ruled that should an individual's free speech present a "clear and present danger" to others, the government could impose restrictions or penalties. Schenck was arrested for sabotaging the draft. The Court ruled that his behavior endangered thousands of American lives and upheld his jail sentence. Socialist Party leader Eugene V. Debs was imprisoned and ran for President from his jail cell in 1920. He polled nearly a million votes.

Vẫn có những người chống đối. Đảng Xã hội Mỹ lên án nỗ lực chiến tranh. Nhiều người Mỹ gốc Ireland tỏ ra khinh miệt đối với Anh, người mà họ coi là kẻ thù chứ không phải là đồng minh. Hàng triệu người nhập cư từ Đức và Áo-Hungary đã buộc phải hỗ trợ các sáng kiến có thể phá hủy quê hương của họ. Mặc dù tất cả những bất đồng này là khá nhỏ, nhưng chính phủ đã ngăn chặn sự chống đối của thời chiến bằng luật pháp thông qua Đạo luật gián điệp và Trầm tích năm 1917. Bất cứ ai cũng thấy có tội chỉ trích chính sách chiến tranh của chính phủ hoặc cản trở các chỉ thị thời chiến có thể bị tống vào tù. Nhiều người đã khóc rằng đây là một sự vi phạm trắng trợn các quyền tự do dân sự quý giá, bao gồm quyền tự do ngôn luận. Tòa án Tối cao đã đưa ra một quyết định mang tính bước ngoặt về vấn đề này trong bản án của Schenck v. Hoa Kỳ. Ý kiến của tòa án đa số phán quyết rằng nếu một bài phát biểu tự do của một cá nhân đưa ra một mối nguy hiểm rõ ràng và hiện tại đối với những người khác, chính phủ có thể áp đặt các hạn chế hoặc hình phạt. Schenck bị bắt vì phá hoại dự thảo. Tòa án phán quyết rằng hành vi của anh ta gây nguy hiểm cho hàng ngàn người Mỹ và giữ nguyên án tù. Nhà lãnh đạo Đảng Xã hội, ông Eugene V. Debs đã bị cầm tù và ra tranh cử Tổng thống từ phòng giam của ông năm 1920. Ông đã bỏ phiếu gần một triệu phiếu bầu.

ORGANIZED LABOR SUPPORTS THE WAR

TỔ CHỨC LAO ĐỘNG CUNG CẤP CẢNH BÁO

After decades of limited involvement in the challenges between management and organized labor, the need for peaceful and productive industrial relations prompted the federal government during wartime to invite organized labor to the negotiating table. Samuel Gompers, head of the American Federation of Labor (AFL), sought to capitalize on these circumstances to better organize workers and secure for them better wages and working conditions. His efforts also solidified his own base of power. The increase in production that the war required exposed severe labor shortages in many states, a condition that was further exacerbated by the draft, which pulled millions of young men from the active labor force.

Sau nhiều thập kỷ hạn chế tham gia vào các thách thức giữa quản lý và lao động có tổ chức, nhu cầu về quan hệ công nghiệp hòa bình và hiệu quả đã thúc đẩy chính phủ liên bang trong thời chiến mời mời lao động có tổ chức đến bàn đàm phán. Samuel Gompers, người đứng đầu Liên đoàn Lao động Mỹ (AFL), đã tìm cách tận dụng những tình huống này để tổ chức tốt hơn cho người lao động và đảm bảo cho họ mức lương và điều kiện làm việc tốt hơn. Những nỗ lực của ông cũng củng cố cơ sở quyền lực của chính mình. Sự gia tăng sản xuất mà chiến tranh đòi hỏi phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động nghiêm trọng ở nhiều tiểu bang, một điều kiện càng trở nên trầm trọng hơn bởi dự thảo, đã kéo hàng triệu thanh niên khỏi lực lượng lao động tích cực.

Wilson only briefly investigated the longstanding animosity between labor and management before ordering the creation of the **National Labor War Board** in April 1918. Quick negotiations with Gompers and the AFL resulted in a promise. Labor unions pledged not to strike for the duration of the war in exchange for the government's protection of workers' rights to organize and bargain collectively. The federal government kept its promise and promoted the adoption of an **eight-hour workday** (which had first been adopted by government employees in 1868), a living wage for all workers, and union membership. As a result, union membership skyrocketed during the war, from 2.6 million members in 1916 to 4.1 million in 1919. In short, American workers received better working conditions and wages as a result of the country's participation in the war. However, their

Wilson chỉ điều tra ngắn gọn về sự thù địch lâu đời giữa lao động và quản lý trước khi ra lệnh thành lập Ủy ban Chiến tranh Lao động Quốc gia vào tháng 4 năm 1918. Các cuộc đàm phán nhanh với Gompers và AFL đã dẫn đến một lời hứa. Các công đoàn lao động cam kết không đình công trong suốt thời gian chiến tranh để đổi lấy chính phủ Bảo vệ quyền lợi của người lao động để tổ chức và mặc cả tập thể. Chính phủ liên bang đã giữ lời hứa và thúc đẩy việc áp dụng một ngày làm việc tám giờ (lần đầu tiên được các nhân viên chính phủ áp dụng vào năm 1868), một mức lương đủ sống cho tất cả công nhân và thành viên công đoàn. Do đó, số lượng thành viên công đoàn tăng vọt trong chiến tranh, từ 2,6 triệu thành viên năm 1916 lên 4,1 triệu vào năm 1919. Nói tóm lại, công nhân Mỹ nhận được điều kiện làm việc và tiền lương tốt hơn do sự tham gia của đất nước trong cuộc chiến. Tuy nhiên, lợi ích kinh tế của họ bị hạn chế. Mặc dù sự thịnh vượng nói chung tăng lên

economic gains were limited. While prosperity overall went up during the war, it was enjoyed more by business owners and corporations than by the workers themselves. Even though wages increased, inflation offset most of the gains. Prices in the United States increased an average of 15% to 20% annually between 1917 and 1920. Individual purchasing power actually declined during the war due to the substantially higher cost of living. Business profits, in contrast, increased by nearly a third during the war.

trong chiến tranh, nó được các chủ doanh nghiệp và các tập đoàn yêu thích hơn là bởi chính những người lao động. Mặc dù tiền lương tăng, lạm phát bù đắp phần lớn lợi nhuận. Giá tại Hoa Kỳ tăng trung bình từ 15% đến 20% hàng năm trong khoảng thời gian từ 1917 đến 1920. Sức mua của cá nhân thực sự giảm trong chiến tranh do chi phí sinh hoạt cao hơn đáng kể. Lợi nhuận kinh doanh, ngược lại, tăng gần một phần ba trong chiến tranh.

WOMEN IN WARTIME

PHỤ NỮ

For women, the economic situation was complicated by the war, with the departure of wage-earning men and the higher cost of living pushing many toward less comfortable lives. At the same time, however, wartime presented new opportunities for women in the workplace. More than one million women entered the workforce for the first time as a result of the war, while more than eight million working women found higher paying jobs, often in industry. Many women also found employment in what were typically considered male occupations, such as on the railroads, where the number of women tripled, and on assembly lines.

Đối với phụ nữ, tình hình kinh tế trở nên phức tạp bởi chiến tranh, với sự ra đi của những người đàn ông làm công ăn lương và chi phí sinh hoạt cao hơn đẩy nhiều người tới cuộc sống kém thoải mái. Tuy nhiên, đồng thời, thời chiến đã mang đến những cơ hội mới cho phụ nữ tại nơi làm việc. Hơn một triệu phụ nữ lần đầu tiên tham gia lực lượng lao động do chiến tranh, trong khi hơn tám triệu phụ nữ làm việc tìm được việc làm lương cao hơn, thường là trong ngành công nghiệp. Nhiều phụ nữ cũng tìm được việc làm trong những gì thường được coi là nghề nghiệp của nam giới, chẳng hạn như trên đường sắt, nơi số lượng phụ nữ tăng gấp ba và trên dây chuyền lắp ráp.

Primary Source: Photograph

Women found jobs open to them during wartime that had never been open before.

After the war ended and men returned home and searched for work, women were fired from their jobs, and expected to return home and care for their families. Furthermore, even when they were doing men's jobs, women were typically paid lower wages than male workers, and unions were ambivalent at best, and hostile at worst, to women workers. Even under these circumstances, wartime

Sau khi chiến tranh kết thúc và đàn ông trở về nhà và tìm kiếm việc làm, phụ nữ bị đuổi việc, và dự kiến sẽ trở về nhà và chăm sóc gia đình. Hơn nữa, ngay cả khi họ đang làm công việc của đàn ông, phụ nữ thường được trả lương thấp hơn so với lao động nam, và các công đoàn không tốt nhất, và tồi tệ nhất đối với lao động nữ. Ngay cả trong những trường hợp này, việc làm thời chiến đã làm cho phụ nữ quen với một sự thay

employment familiarized women with an alternative to a life in domesticity and dependency, making a life of employment, even a career, plausible for women. When, a generation later, World War II arrived, this trend would increase dramatically.

thế cho cuộc sống trong nước và sự phụ thuộc, tạo ra một cuộc sống việc làm, thậm chí là một nghề nghiệp, hợp lý cho phụ nữ. Khi, một thế hệ sau, Thế chiến II đến, xu hướng này sẽ tăng lên đáng kể.

One notable group of women who exploited these new opportunities was the **Women's Land Army**. First during World War I, then again in World War II, these women stepped up to run farms and other agricultural enterprises, as men left for the armed forces. Known as Farmerettes, some twenty thousand women, mostly college educated and from larger urban areas, served in this capacity. Their reasons for joining were manifold. For some, it was a way to serve their country during a time of war. Others hoped to capitalize on the efforts to further the fight for women's suffrage.

Một nhóm phụ nữ đáng chú ý khai thác những cơ hội mới này là Đội quân Phụ nữ trên cạn của Mỹ. Đầu tiên trong Thế chiến I, sau đó một lần nữa trong Thế chiến II, những người phụ nữ này đã bước lên để điều hành các trang trại và các doanh nghiệp nông nghiệp khác, khi những người đàn ông rời khỏi lực lượng vũ trang. Được biết đến như Farmerettes, khoảng hai mươi ngàn phụ nữ, chủ yếu là giáo dục đại học và từ các khu vực đô thị lớn hơn, phục vụ trong khả năng này. Lý do tham gia của họ rất đa dạng. Đối với một số người, đó là một cách phục vụ đất nước của họ trong thời gian chiến tranh. Những người khác hy vọng tận dụng những nỗ lực để tiếp tục cuộc chiến giành quyền bầu cử cho phụ nữ.

Also of special note were the approximately thirty thousand American women who served in the military, as well as a variety of humanitarian organizations, such as the Red Cross and YMCA, during the war. In addition to serving as military nurses, American women also served as telephone operators in France. Of this latter group, 230 of them, known as "Hello Girls," were bilingual and stationed in combat areas. Over eighteen thousand American women served as Red Cross nurses, providing much of the medical support available to American troops in France. Close to three hundred nurses died during service. Many of those who returned home continued to work in hospitals and home healthcare, helping wounded veterans heal both emotionally and physically from the scars of war.

Cũng cần lưu ý đặc biệt là khoảng ba mươi ngàn phụ nữ Mỹ đã phục vụ trong quân đội, cũng như một loạt các tổ chức nhân đạo, như Hội Chữ thập đỏ và YMCA, trong chiến tranh. Ngoài vai trò là y tá quân đội, phụ nữ Mỹ còn phục vụ như những người điều hành điện thoại ở Pháp. Trong nhóm thứ hai này, 230 người trong số họ, được biết đến với cái tên là Hello Hello Girls, tên là song ngữ và đóng quân trong các khu vực chiến đấu. Hơn mười tám ngàn phụ nữ Mỹ làm y tá Hội Chữ thập đỏ, cung cấp phần lớn hỗ trợ y tế cho quân đội Mỹ ở Pháp. Gần ba trăm y tá đã chết trong khi phục vụ. Nhiều người trở về nhà tiếp tục làm việc trong bệnh viện và chăm sóc sức khỏe tại nhà, giúp các cựu chiến binh bị thương chữa lành cả về cảm xúc và thể chất khỏi những vết sẹo của chiến tranh.

AFRICAN AMERICANS AND THE DOUBLE V CAMPAIGN

CHÂU PHI MỸ VÀ NHÂN ĐÔI V CHIẾN DỊCH

African Americans also found that the war brought upheaval and opportunity. African Americans composed 13% of the enlisted military, with 350,000 men serving. Colonel Charles Young of the Tenth Cavalry division served as the highest-ranking African American officer. African Americans served in segregated units and suffered from widespread racism in the military hierarchy, often serving in menial or support roles.

Người Mỹ gốc Phi cũng nhận thấy rằng cuộc chiến mang đến biến động và cơ hội. Người Mỹ gốc Phi gồm 13% quân đội nhập ngũ, với 350.000 người phục vụ. Đại tá Charles Young thuộc sư đoàn kỵ binh thứ mười từng là sĩ quan cao cấp người Mỹ gốc Phi. Người Mỹ gốc Phi phục vụ trong các đơn vị tách biệt và chịu sự phân biệt chủng tộc lan rộng trong hệ thống phân cấp quân đội, thường phục vụ trong vai trò hỗ trợ hoặc đe dọa.

Some troops saw combat, however, and were commended for serving with valor. The 369th Infantry, for example, known as the **Harlem Hellfighters**, served on the frontline of France for six months, longer than any other American unit. One hundred seventy-one men from that regiment received the Legion of Merit for meritorious service in combat. The regiment marched in a homecoming parade in New York City, was remembered in paintings, and was celebrated for bravery

Tuy nhiên, một số quân đội đã chiến đấu và được khen ngợi vì đã phục vụ với valor. Bộ binh 369, ví dụ, được gọi là Harlem Hellfighters, phục vụ trên tiền tuyến của Pháp trong sáu tháng, lâu hơn bất kỳ đơn vị nào khác của Mỹ. Một trăm bảy mươi mốt người từ trung đoàn đó đã nhận được Legion of Merit vì có công trong chiến đấu. Trung đoàn diễu hành trong một cuộc diễu hành về quê hương ở thành phố New York, được nhớ đến trong các bức tranh, và được tôn vinh vì sự dũng cảm và lãnh đạo. Các giải thưởng được trao cho họ, tuy

and leadership. The accolades given to them, however, in no way extended to the bulk of African Americans fighting in the war.

On the home front, African Americans, like American women, saw economic opportunities increase during the war. Nearly 350,000 African Americans found work in the steel, mining, shipbuilding, and automotive industries. African American women also sought better employment opportunities beyond their traditional roles as domestic servants. By 1920, over 100,000 women had found work in diverse manufacturing industries, up from 70,000 in 1910. Despite such opportunities, racism continued to be a major force in both the North and South. Worried about the large influx of African Americans into their cities, several municipalities passed residential codes designed to prohibit African Americans from settling in certain neighborhoods. Race riots also increased in frequency: In 1917 alone, there were race riots in twenty-five cities, including East Saint Louis, where thirty-nine blacks were killed. In the South, White business and plantation owners feared that their cheap workforce was fleeing the region, and used violence to intimidate blacks into staying. According to NAACP statistics, recorded incidences of lynching increased from thirty-eight in 1917 to eighty-three in 1919. These numbers did not start to decrease until 1923, when the number of annual lynchings dropped below thirty-five for the first time since the Civil War.

nhiên, không có cách nào mở rộng cho phần lớn người Mỹ gốc Phi đang chiến đấu trong cuộc chiến.

Về mặt nhà, người Mỹ gốc Phi, giống như phụ nữ Mỹ, đã nhìn thấy cơ hội kinh tế gia tăng trong chiến tranh. Gần 350.000 người Mỹ gốc Phi tìm thấy công việc trong các ngành công nghiệp thép, khai thác mỏ, đóng tàu và ô tô. Phụ nữ Mỹ gốc Phi cũng tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn ngoài vai trò truyền thống là người giúp việc gia đình. Đến năm 1920, hơn 100.000 phụ nữ đã tìm được việc làm trong các ngành sản xuất đa dạng, tăng từ 70.000 vào năm 1910. Mặc dù có những cơ hội như vậy, phân biệt chủng tộc vẫn tiếp tục là một lực lượng chính ở cả miền Bắc và miền Nam. Lo lắng về dòng người Mỹ gốc Phi đổ vào các thành phố của họ, một số thành phố đã thông qua các bộ luật dân cư được thiết kế để cấm người Mỹ gốc Phi định cư ở một số khu phố nhất định. Các cuộc bạo loạn chủng tộc cũng gia tăng về tần suất: Chỉ riêng năm 1917, đã có những cuộc bạo loạn chủng tộc ở hai mươi lăm thành phố, bao gồm Đông Saint Louis, nơi ba mươi chín người da đen bị giết. Ở miền Nam, các chủ doanh nghiệp và đồn điền của White sợ rằng lực lượng lao động giá rẻ của họ đang chạy trốn khỏi khu vực và sử dụng bạo lực để đe dọa người da đen ở lại. Theo thống kê của NAACP, các tỷ lệ mắc bệnh được ghi nhận đã tăng từ ba mươi tám vào năm 1917 lên tám mươi ba vào năm 1919. Những con số này đã không bắt đầu giảm cho đến năm 1923, khi số lần đầu tiên giảm xuống dưới ba mươi lăm lần đầu tiên kể từ khi Nội chiến.

Primary Source: Photograph

Members of the 369th Infantry, better known as the Harlem Hellfighters. Like many African American men during the war they were fighting both against the Kaiser's army on the field in Europe and against prejudice at home.

CONCLUSION

Wars are instigators for tremendous change, and although World War I was not fought on American soil, it did bring about enormous change for many Americans. Women and African Americans saw new opportunities, and labor unions found an unexpected boost from the need to keep factories open during the war.

By far, however, the most significant change was relationship Americans had with their government. Before the war, the only connection most people had with the federal government was when they went to the post office, or every other year on election day when they went to vote. World War I changed that forever. Because of the war, government took on the power to regulate such everyday things as the price of milk, and what you could or could not say to your friends.

Undoubtedly, the nation needed to take appropriate steps to win once having committed itself to the fight, but was such deep involvement in everyday life appropriate? Were laws such as the Espionage and Sedition Acts or regulations on food prices and railroad schedules acceptable, or is there nothing, not even war, that warrants such direct involvement in private life and private business?

What do you think? Are restrictions on basic freedoms justified in times of crisis?

PHẦN KẾT LUẬN

Chiến tranh là kẻ xúi giục cho sự thay đổi to lớn và mặc dù Thế chiến I không được chiến đấu trên đất Mỹ, nhưng nó đã mang lại sự thay đổi to lớn cho nhiều người Mỹ. Phụ nữ và người Mỹ gốc Phi nhìn thấy những cơ hội mới, một công đoàn lao động đã tìm thấy một sự thúc đẩy bất ngờ từ nhu cầu giữ cho các nhà máy mở cửa trong chiến tranh.

Tuy nhiên, cho đến nay, sự thay đổi đáng kể nhất là mối quan hệ của người Mỹ với chính phủ của họ. Trước chiến tranh, mối liên hệ duy nhất mà hầu hết mọi người có với chính phủ liên bang là khi họ đến bưu điện, hoặc mỗi năm vào ngày bầu cử khi họ đi bỏ phiếu. Chiến tranh thế giới thứ nhất đã thay đổi điều đó mãi mãi. Vì chiến tranh, chính phủ nắm quyền điều chỉnh những thứ hàng ngày như giá sữa và những gì bạn có thể hoặc không thể nói với bạn bè.

Không còn nghi ngờ gì nữa, quốc gia cần phải thực hiện các bước thích hợp để giành chiến thắng một khi đã dấn thân vào cuộc chiến, nhưng liệu sự tham gia sâu sắc như vậy vào cuộc sống hàng ngày có phù hợp? Các luật như Đạo luật gián điệp và Trầm tích hoặc các quy định về giá lương thực và lịch trình đường sắt có thể được chấp nhận hay không, thậm chí không có chiến tranh, có đảm bảo sự tham gia trực tiếp như vậy vào đời sống riêng tư và kinh doanh tư nhân không?

Bạn nghĩ sao? Là những hạn chế đối với các quyền tự do cơ bản được biện minh trong thời kỳ khủng hoảng?

SUMMARY

Americans were enthusiastic about joining the army. For many recent immigrants and their children, joining the fight was a way to demonstrate their love for their new country. A draft was implemented. There were a few conscientious objectors.

Anti-German feelings were common. There were many German immigrants and they faced discrimination. Schools stopped teaching German and German foods were renamed at restaurants.

The federal government gained in both size and power during the war. Business leaders and government officials collaborated to set prices and organize railroad schedules in support of the war effort. Future president Herbert Hoover organized the food industry and the United States fed both its own people and the people of Europe during the war.

To pay for the war, the government raised money by selling liberty bonds.

One of the darks sides to World War I were laws passed to limit First Amendment freedoms. The Espionage and Sedition Acts made criticizing the government and the war effort illegal. In the case of Schenck v. United States, the Supreme Court upheld these restrictions.

The war effort was good for organized labor. Labor unions worked closely with government officials who wanted to avoid strikes. It was during the war that the 8-hour workday was implemented. Pay went up as well.

Women took some jobs in factories and supported the war effort as nurses and secretaries.

For African Americans, the war was a chance to demonstrate their bravery in battle. Although they served in segregated units, African Americans were fighting against both Germany and discrimination back home. During the war, the need for factory workers in the North increased and thousands of African American families moved out of the rural South to the cities of the North to find work. This Great Migration significantly changed the racial makeup for the country.

TÓM LƯỢC

Người Mỹ đã nhiệt tình tham gia quân đội. Đối với nhiều người nhập cư gần đây và con cái của họ, tham gia cuộc chiến là một cách để thể hiện tình yêu của họ đối với đất nước mới của họ. Một dự thảo đã được thực hiện. Có một vài người phản đối có lương tâm.

Tình cảm chống Đức là phổ biến. Có nhiều người nhập cư Đức và họ phải đối mặt với sự phân biệt đối xử. Các trường học ngừng dạy thực phẩm Đức và Đức đã được đổi tên tại các nhà hàng.

Chính phủ liên bang đã đạt được cả về quy mô và quyền lực trong chiến tranh. Các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và các quan chức chính phủ đã hợp tác để thiết lập giá cả và tổ chức lịch trình đường sắt để hỗ trợ nỗ lực chiến tranh. Tổng thống tương lai Herbert Hoover đã tổ chức ngành công nghiệp thực phẩm và Hoa Kỳ nuôi sống cả người dân của mình và người dân châu Âu trong chiến tranh.

Để trả tiền cho cuộc chiến, chính phủ đã huy động tiền bằng cách bán trái phiếu tự do.

Một trong những mặt tối của Thế chiến I là luật được thông qua để hạn chế các quyền tự do sửa đổi đầu tiên. Đạo luật gián điệp và quyến rũ đã chỉ trích chính phủ và nỗ lực chiến tranh là bất hợp pháp. Trong trường hợp của Schenck v. Hoa Kỳ, Tòa án Tối cao đã giữ nguyên các hạn chế này.

Nỗ lực chiến tranh là tốt cho lao động có tổ chức. Công đoàn lao động làm việc chặt chẽ với các quan chức chính phủ, những người muốn tránh các cuộc đình công. Đó là trong chiến tranh, ngày làm việc 8 giờ đã được thực hiện. Trả tiền cũng tăng lên.

Phụ nữ nhận một số công việc trong các nhà máy và hỗ trợ nỗ lực chiến tranh là y tá và thư ký.

Đối với người Mỹ gốc Phi, cuộc chiến là cơ hội để thể hiện bản lĩnh của họ trong trận chiến. Mặc dù họ phục vụ trong các đơn vị tách biệt, người Mỹ gốc Phi đang chiến đấu chống lại cả Đức và phân biệt đối xử ở quê nhà. Trong chiến tranh, nhu cầu về công nhân nhà máy ở miền Bắc tăng lên và hàng ngàn gia đình người Mỹ gốc Phi đã rời khỏi vùng nông thôn miền Nam đến các thành phố phía Bắc để tìm việc làm. Cuộc di cư vĩ đại này đã thay đổi đáng kể phong cách chủng tộc cho đất nước.

KEY CONCEPTS

Draft: System in which the government legally compels citizens to join the armed forces.

Daylight Savings Time: System in which clocks are moved forward one hour in the spring, thus allowing for more daylight hours during summer evenings.

Propaganda: Advertising created by the government to encourage citizens to think and act in ways the government wants.

Eight-Hour Day: Traditional work-day that was established during World War I.

LAWS

Selective Service Act: 1917 law that established the draft.

Lever Act / Food and Fuel Control Act: Law passed during World War I granting the president power to control production, distribution and price of food.

Liberty Loan Act: Law passed during World War I empowering the government to borrow billions of dollars by issuing war bonds.

Espionage and Sedition Acts: A pair of laws passed during World War I significantly restricting freedom of speech by making anti-war or anti-government speech illegal.

COURT CASES

Schenck v. United States: Supreme Court ruling during World War I upholding the Espionage and Sedition Acts. It introduced the "clean and present danger" doctrine but is not widely considered to be a failure of the Court to preserve individual liberties.

SONGS

Over There: Most popular song during World War I.

PEOPLE AND GROUPS

Conscientious Objectors: People who refuse to join the military for personal, moral reasons, such as because of religious beliefs.

Herbert Hoover: Director of the Food Administration during World War I, and later president.

Bernard Baruch: Director of the War Industries Board during World War I.

George Creel: Director of the Committee on Public Information during World War I.

Harlem Hellfighters: Nickname for the 369th Infantry, a segregated unit of African-American soldiers during World War I.

GOVERNMENT AGENCIES

Fuel Administration: Government agency during World War I that managed rationing of gasoline and oil.

Food Administration: Government agency during World War I run by Herbert Hoover that managed rationing of food supplies.

War Industries Board: Government agency during World War I run by Bernard Baruch which directed production, distribution and wages. It is an example of significant government involvement in private industry.

U.S. Railway Administration: Government agency during World War I that managed the nation's railway networks in order to support the war effort.

Committee on Public Information: Government agency created during World War I and run by George Creel to produce pro-war, pro-government propaganda.

National Labor War Board: Government agency created during World War I to negotiate with labor unions and prevent strikes.

Women's Land Army: Government agency which employed women on farms to replace men who had joined the army.

T H I R D Q U E S T I O N

3 SHOULD AMERICA BE INVOLVED IN THE WORLD OR ISOLATIONIST?

INTRODUCTION

As the war drew to a close, Woodrow Wilson set forth his plan for peace. In his mind, fundamental flaws in international relations created an unhealthy climate that led to the World War and he wanted the United States to lead the way to creating a new world order. Wilson proposed an international organization comprising representatives of all the world's nations that would serve as a forum where disputes could be solved peacefully.

Unfortunately for Wilson, leaders in Congress had other ideas about what role America should play in the world. They viewed the Wilson's plan as a new form of supranational government that would limit the power of the American government and might drag the United States into foreign conflicts it didn't want. Since the days of George Washington, America had tried to avoid just such entanglements.

Wilson decried his opponents as letting a great chance to ensure peace for future generations slip by. If not at the conclusion of the Great War, when would the United States have another chance to lead the world toward such a worthy cause? Did America and the world's children have to live through another, perhaps even more deadly conflict before leaders in Congress would recognized the importance of being a part of the global community of nations?

On the other hand, Wilson's critics argued, what was stopping the rest of the world from dragging the United States into another conflict. If America promised to be a part of the great community of nations, it might just be promising to be a part of that great hypothetical conflict before it even began.

What do you think? Should America be involved in the world or isolationist?

GIỚI THIỆU

Khi chiến tranh sắp kết thúc, Woodrow Wilson đã vạch ra kế hoạch cho hòa bình. Trong suy nghĩ của ông, những sai sót cơ bản trong quan hệ quốc tế đã tạo ra một khí hậu không lành mạnh dẫn đến Chiến tranh Thế giới và ông muốn Hoa Kỳ dẫn đầu để tạo ra một trật tự thế giới mới. Wilson đã đề xuất một tổ chức quốc tế bao gồm đại diện của tất cả các quốc gia trên thế giới sẽ đóng vai trò là một diễn đàn nơi các tranh chấp có thể được giải quyết một cách hòa bình.

Thật không may cho Wilson, các nhà lãnh đạo trong Quốc hội đã có những ý tưởng khác về vai trò của nước Mỹ trên thế giới. Họ đã xem kế hoạch của Wilson, là một hình thức mới của chính phủ siêu quốc gia nhằm hạn chế quyền lực của chính phủ Mỹ và có thể kéo Hoa Kỳ vào các cuộc xung đột nước ngoài mà họ không muốn. Kể từ thời George Washington, nước Mỹ đã cố gắng tránh những vướng mắc như vậy.

Wilson đã hạ bệ đối thủ của mình khi để một cơ hội tuyệt vời để đảm bảo hòa bình cho các thế hệ tương lai trôi qua. Nếu không kết thúc Đại chiến, khi nào Hoa Kỳ sẽ có một cơ hội khác để dẫn dắt thế giới hướng tới một sự nghiệp xứng đáng như vậy? Có phải Mỹ và trẻ em thế giới phải sống qua một cuộc xung đột khác, thậm chí có thể nguy hiểm hơn trước khi các nhà lãnh đạo trong Quốc hội nhận ra tầm quan trọng của việc trở thành một phần của cộng đồng các quốc gia toàn cầu?

Mặt khác, các nhà phê bình Wilson, lập luận, những gì đang ngăn chặn phần còn lại của thế giới kéo Hoa Kỳ vào một cuộc xung đột khác. Nếu nước Mỹ hứa sẽ là một phần của cộng đồng lớn của các quốc gia, thì có thể hứa hẹn sẽ là một phần của cuộc xung đột giả thuyết vĩ đại đó trước khi nó bắt đầu.

Bạn nghĩ sao? Mỹ nên tham gia vào thế giới hay chủ nghĩa cô lập?

WINNING THE WAR

When the United States declared war on Germany in April 1917, both the Allied forces and the Central Powers were close to exhaustion. Great Britain and France had indebted themselves heavily in the procurement of vital American military supplies and Germany was struggling to maintain its ability to fight because of the crushing blockade. While the 200,000 American troops that arrived in France composed a tiny fraction of the entire Allied effort, the influx of new troops, and the promise of many more who would come over the coming years proved decisive.

CHIẾN THẮNG CẢNH BÁO

Khi Hoa Kỳ tuyên chiến với Đức vào tháng 4 năm 1917, cả lực lượng Đồng minh và Quyền lực Trung ương đã gần cạn kiệt. Vương quốc Anh và Pháp đã mắc nợ rất nhiều trong việc mua sắm vật tư quân sự quan trọng của Mỹ và Đức đang phải vật lộn để duy trì khả năng chiến đấu vì bị phong tỏa. Trong khi 200.000 lính Mỹ đến Pháp chiếm một phần rất nhỏ trong toàn bộ nỗ lực của quân Đồng minh, thì dòng quân mới và lời hứa của nhiều người nữa sẽ đến trong những năm tới đã quyết định.

Primary Source: Photograph

General Pershing led the American Expeditionary Force in Europe.

By March 1918, the Germans had won the war on the eastern front. The Russian Revolution of the previous year had not only toppled the hated regime of Tsar Nicholas II but also ushered in a civil war from which the Communist revolutionaries under the leadership of **Vladimir Lenin** emerged victorious. Weakened by war and internal strife, and eager to build a new Soviet Union, Russian delegates agreed to a generous peace treaty with Germany. Emboldened, Germany moved the troops that had

Đến tháng 3 năm 1918, người Đức đã chiến thắng trong cuộc chiến ở mặt trận phía đông. Cuộc cách mạng Nga năm trước không chỉ lật đổ chế độ đáng ghét của Sa hoàng Nicholas II mà còn mở ra một cuộc nội chiến mà các nhà cách mạng Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Vladimir Lenin đã chiến thắng. Bị suy yếu bởi chiến tranh và xung đột nội bộ, và mong muốn xây dựng một Liên Xô mới, các đại biểu Nga đã đồng ý với một hiệp ước hòa bình hào phóng với Đức. Xúc động, Đức chuyển quân đã chiến đấu với

been fighting Russia to the west. The **American Expeditionary Force (AEF)**, General **John "Blackjack" Pershing**, entered combat in May 1918, just in time to counter the increased force on the German side.

Nga sang phía tây. Lực lượng viễn chinh Hoa Kỳ (AEF), Tướng John Hồi Blackjack Cuộc sống, tham gia chiến đấu vào tháng 5 năm 1918, đúng lúc để chống lại lực lượng gia tăng về phía Đức.

In a series of battles along the front that took place from May 28 through August 6, 1918, including the battles of Cantigny, Chateau Thierry, Belleau Wood, and the Second Battle of the Marne, American forces alongside the British and French armies succeeded in repelling German offensives. The Battle of Cantigny, on May 28, was the first American offensive in the war. In less than two hours that morning, American troops overran the German headquarters in the village, thus convincing the French commanders of their ability to fight against the German line advancing towards Paris. The subsequent battles of Chateau Thierry and Belleau Wood proved to be the bloodiest of the war for American troops. At the latter, faced with a German onslaught of mustard gas, artillery fire, and mortar fire, U.S. Marines attacked German units in the woods on six occasions, at times meeting them in hand-to-hand and bayonet combat, before finally repelling the advance. The U.S. forces suffered 10,000 casualties in the three-week battle, with almost 2,000 killed in total and 1,087 on a single day. Brutal as they were, they amounted to small losses compared to the casualties suffered by France and Great Britain. Still, these summer battles turned the tide of the war, with the Germans in full retreat by the end of July 1918.

Trong một loạt các trận chiến dọc theo mặt trận diễn ra từ ngày 28 tháng 5 đến ngày 6 tháng 8 năm 1918, bao gồm các trận Cantlie, Château Thierry, Belleau Wood và Trận chiến thứ hai của Marne, các lực lượng Mỹ cùng với quân đội Anh và Pháp đã thành công trong đẩy lùi các vi phạm của Đức. Trận Cantigny, vào ngày 28 tháng 5, là cuộc tấn công đầu tiên của Mỹ trong cuộc chiến. Trong vòng chưa đầy hai giờ sáng hôm đó, quân đội Mỹ tràn ngập trụ sở của quân đội Đức trong làng, do đó thuyết phục được các chỉ huy Pháp về khả năng chiến đấu chống lại quân Đức tiến về Paris. Các trận chiến sau đó của Château Thierry và Belleau Wood đã chứng tỏ là cuộc chiến đẫm máu nhất đối với quân đội Mỹ. Sau đó, đối mặt với một cuộc tấn công bằng khí mù tạt, hỏa lực pháo binh và hỏa lực của Đức, Thủy quân lục chiến Mỹ đã tấn công các đơn vị Đức trong rừng trong sáu lần, đôi khi gặp họ trong cuộc chiến tay đôi và lưỡi lê, trước khi cuối cùng đẩy lùi nâng cao. Các lực lượng Hoa Kỳ đã chịu 10.000 thương vong trong trận chiến kéo dài ba tuần, với tổng số gần 2.000 người thiệt mạng và 1.087 người trong một ngày. Tàn bạo như họ, họ đã chịu tổn thất nhỏ so với thương vong của Pháp và Anh. Tuy nhiên, những trận chiến mùa hè này đã xoay chuyển cuộc chiến, với quân Đức rút lui hoàn toàn vào cuối tháng 7 năm 1918.

Primary Source: Photograph

American soldiers celebrate the enouncement of the armistice on November 11, 2018

By the end of September 1918, over one million American soldiers staged a full offensive into the Argonne Forest. By November, after nearly forty days of intense fighting, the German lines were broken, and their military command reported to Kaiser Wilhelm II of the desperate

Đến cuối tháng 9 năm 1918, hơn một triệu lính Mỹ đã tổ chức một cuộc tấn công toàn diện vào Rừng Argonne. Đến tháng 11, sau gần bốn mươi ngày chiến đấu căng thẳng, các dòng Đức bị phá vỡ, và chỉ huy quân sự của họ đã báo cáo với Kaiser Wilhelm II về sự cần thiết tuyệt vọng để kết thúc chiến tranh và tham

need to end the war and enter into peace negotiations. Facing civil unrest from the German people in Berlin, as well as the loss of support from his military high command, Wilhelm abdicated his throne on November 9, 1918, and immediately fled by train to the Netherlands. Two days later, on **November 11, 1918**, Germany and the Allies declared an immediate **armistice**, thus bring the fighting to a stop and signaling the beginning of the peace process. Armistice Day is stilled observed around the world as a day to remember the fallen. In the United States, it is called Veterans' Day.

gia đàm phán hòa bình. Đối mặt với tình trạng bất ổn dân sự từ người dân Đức ở Berlin, cũng như mất sự hỗ trợ từ chỉ huy quân sự cấp cao của mình, ông đã từ bỏ ngai vàng của mình vào ngày 9 tháng 11 năm 1918 và ngay lập tức chạy trốn sang Hà Lan. Hai ngày sau, vào ngày 11 tháng 11 năm 1918, Đức và Đồng minh tuyên bố đình chiến ngay lập tức, do đó khiến cuộc chiến chấm dứt và báo hiệu sự bắt đầu của tiến trình hòa bình.

Primary Source: Photograph

Police officers on a streetcar in Seattle check to make sure riders are wearing masks during the influenza outbreak in 1918.

When the armistice was declared, 117,000 American soldiers had been killed and 206,000 wounded. The Allies as a whole suffered over 5.7 million military deaths, primarily Russian, British, and French men. The Central powers suffered four million military deaths, with half of them German soldiers. Although the Americans arrived late in the war and

Khi đình chiến được tuyên bố, 117.000 lính Mỹ đã thiệt mạng và 206.000 người bị thương. Toàn bộ quân Đồng minh đã phải chịu hơn 5,7 triệu người chết quân sự, chủ yếu là đàn ông Nga, Anh và Pháp. Các cường quốc trung ương phải chịu bốn triệu người chết quân sự, trong đó một nửa là lính Đức. Mặc dù người Mỹ đến muộn trong cuộc chiến và chịu ít hơn

suffered less than half of 1% of all the casualties, the involvement of the United States proved to be a tipping point.

1% tổng số thương vong, nhưng sự can dự của Hoa Kỳ đã chứng tỏ là một điểm bùng phát.

Economically, emotionally, and geopolitically, the war had taken an enormous toll in the United States, but especially in Europe. Of the 60 million European men who were mobilized from 1914 to 1918, 8 million were killed, 7 million were permanently disabled, and 15 million were seriously injured. Germany lost 15.1% of its active male population, Austria-Hungary lost 17.1%, and France lost 10.5%.

Về mặt kinh tế, tình cảm và địa chính trị, cuộc chiến đã gây ra một tổn thất lớn ở Hoa Kỳ, nhưng đặc biệt là ở Châu Âu. Trong số 60 triệu người đàn ông châu Âu được huy động từ năm 1914 đến 1918, 8 triệu người đã thiệt mạng, 7 triệu người bị tàn tật vĩnh viễn và 15 triệu người bị thương nặng. Đức mất 15,1% dân số nam hoạt động, Áo-Hungary mất 17,1% và Pháp mất 10,5%.

Hundreds of thousands of civilians also died, in large part due to food shortages and malnutrition that weakened resistance to disease. In 1914 alone, louse-borne epidemic typhus killed 200,000 in Serbia. From 1918 to 1922, Russia had about 25 million infections and 3 million deaths from epidemic typhus. In 1923, 13 million Russians contracted malaria, a sharp increase from the pre-war years. Nothing, however, compared to the devastation of a major influenza epidemic that spread around the world during the war. Overall, the **1918 flu pandemic** killed at least 50 million people, accounting for 3-5% of the world's entire population.

Hàng trăm ngàn dân thường cũng thiệt mạng, phần lớn do thiếu lương thực và suy dinh dưỡng làm suy yếu khả năng kháng bệnh. Chỉ riêng năm 1914, bệnh sốt rét do rận gây ra đã giết chết 200.000 người ở Serbia. Từ năm 1918 đến 1922, Nga có khoảng 25 triệu ca nhiễm và 3 triệu ca tử vong vì bệnh sốt phát ban. Năm 1923, 13 triệu người Nga mắc bệnh sốt rét, tăng mạnh so với những năm trước chiến tranh. Tuy nhiên, không có gì so với sự tàn phá của một dịch cúm lớn lan rộng khắp thế giới trong chiến tranh. Nhìn chung, đại dịch cúm năm 1918 đã giết chết ít nhất 50 triệu người, chiếm 3-5% toàn bộ dân số thế giới.

THE TREATY OF VERSAILLES

ĐIỀU TRỊ CỦA VERSAILLES

While Wilson had been loath to involve the United States in the war, he saw the country's eventual participation as justification for America's involvement in developing a moral foreign policy for the entire world. The United States emerged from the war as the predominant world power. Wilson sought to capitalize on that influence and impose his moral foreign policy on all the nations of the world.

Trong khi Wilson đã chán ghét liên quan đến Hoa Kỳ trong cuộc chiến, anh ta đã thấy sự tham gia cuối cùng của đất nước này như là sự biện minh cho sự tham gia của Mỹ về việc phát triển một chính sách đối ngoại đạo đức cho toàn thế giới. Hoa Kỳ nổi lên từ cuộc chiến với tư cách là cường quốc thế giới chiếm ưu thế. Wilson đã tìm cách tận dụng ảnh hưởng đó và áp đặt chính sách đối ngoại đạo đức của mình lên tất cả các quốc gia trên thế giới.

As early as January 1918, a full five months before American military forces fired their first shot in the war, and eleven months before the actual armistice, Wilson announced his postwar peace plan before a joint session of Congress. Referring to what became known as the **Fourteen Points**, Wilson called for openness in all matters of diplomacy, an end to secret treaties, free trade, freedom of the seas, promotion of self-determination of all nations, and more. In addition, he called for the creation of a League of Nations to promote the new world order and preserve territorial integrity through open discussions in place of intimidation and war.

Ngay từ tháng 1 năm 1918, đủ năm tháng trước khi các lực lượng quân sự Mỹ nổ phát súng đầu tiên trong chiến tranh, và mười một tháng trước khi đình chiến thực sự, Wilson tuyên bố kế hoạch hòa bình sau chiến tranh trước phiên họp chung của Quốc hội. Đề cập đến cái được gọi là Mười bốn điểm, Wilson kêu gọi cởi mở trong mọi vấn đề ngoại giao, chấm dứt các hiệp ước bí mật, thương mại tự do, tự do biển cả, thúc đẩy quyền tự quyết của tất cả các quốc gia, v.v. Ngoài ra, ông kêu gọi thành lập Liên minh các quốc gia để thúc đẩy trật tự thế giới mới và bảo tồn toàn vẹn lãnh thổ thông qua các cuộc thảo luận mở thay cho mối đe dọa và chiến tranh.

As the war concluded, Wilson announced, to the surprise of many, that he would attend the **Paris Peace Conference** himself, rather than ceding to the tradition of sending professional diplomats to represent the country. His decision influenced other nations to follow suit, and the Paris conference became the largest meeting of world leaders to

Khi chiến tranh kết thúc, Wilson tuyên bố, trước sự ngạc nhiên của nhiều người, rằng ông sẽ tự mình tham dự Hội nghị Hòa bình Paris, thay vì nhượng bộ truyền thống cử các nhà ngoại giao chuyên nghiệp đại diện cho đất nước. Quyết định của ông đã ảnh hưởng đến các quốc gia khác để làm theo, và hội nghị Paris đã trở thành cuộc họp lớn nhất của các nhà lãnh đạo thế giới cho đến nay trong lịch sử. Trong sáu tháng,

date in history. For six months, beginning in December 1918, Wilson remained in Paris to personally conduct peace negotiations.

bắt đầu vào tháng 12 năm 1918, Wilson vẫn ở Paris để đích thân tiến hành các cuộc đàm phán hòa bình.

Primary Source: Painting

The Paris Peace Conference met that the Palace of Versailles in the Hall of Mirrors. Amid this setting of opulence that was the work of kings, Wilson, who is seated in the center left of the painting, worked to find ways to enact his ideas of moral diplomacy and make the world safe for democracy.

Although the French public greeted Wilson with overwhelming enthusiasm, other delegates at the conference had deep misgiving about the American president's plans for a "peace without victory." Specifically, Great Britain, France and Italy sought to obtain some measure of revenge against Germany for drawing them into the war, to secure themselves against possible future aggressions from that nation, and also to maintain or even strengthen their own colonial possessions. Great Britain and France in particular sought substantial monetary **reparations**, as well as territorial gains, at Germany's expense. Japan had officially supported the allies but not engaged in the war in Europe, but the too desired concessions in Asia, whereas Italy sought new territory in Europe. Finally, the threat posed by a Bolshevik Russia under Vladimir Lenin, and more importantly, the danger of revolutions

Mặc dù công chúng Pháp chào đón Wilson với sự nhiệt tình áp đảo, các đại biểu khác tại hội nghị đã hiểu lầm sâu sắc về kế hoạch của Tổng thống Mỹ vì một nền hòa bình mà không cần chiến thắng. Đặc biệt, Anh, Pháp và Ý đã tìm cách đạt được một số biện pháp trả thù Đức để vẽ họ tham gia vào cuộc chiến, để bảo đảm bản thân trước những cuộc xâm lược có thể xảy ra trong tương lai từ quốc gia đó, và cũng để duy trì hoặc thậm chí củng cố tài sản thuộc địa của chính họ. Vương quốc Anh và Pháp đặc biệt tìm kiếm sự đền bù tiền tệ đáng kể, cũng như lợi ích lãnh thổ, với chi phí của Đức. Nhật Bản đã chính thức hỗ trợ các đồng minh nhưng không tham gia vào cuộc chiến ở châu Âu, nhưng những nhượng bộ quá mong muốn ở châu Á, trong khi Ý tìm kiếm lãnh thổ mới ở châu Âu. Cuối cùng, mối đe dọa do một nước Bolshevik dưới thời Vladimir Lenin gây ra, và quan trọng hơn là nguy cơ của các cuộc cách mạng ở nơi khác, đã thúc

elsewhere, further spurred on these allies to use the treaty negotiations to expand their territories and secure their strategic interests, rather than strive towards world peace.

In the end, the **Treaty of Versailles** that officially concluded World War I resembled little of Wilson's original Fourteen Points. The Japanese, French, and British succeeded in carving up many of Germany's colonial holdings in Africa and Asia. The dissolution of the old Ottoman Empire created new nations under the quasi-colonial rule of France and Great Britain, such as Iraq and Palestine. France gained much of the disputed territory along their border with Germany, as well as passage of a "war guilt clause" that demanded Germany take public responsibility for starting and prosecuting the war that led to so much death and destruction. Great Britain led the charge that resulted in Germany agreeing to pay reparations in excess of $33 billion to the Allies. As for Bolshevik Russia, Wilson had agreed to send American troops to their northern region to protect Allied supplies and holdings there, while also participating in an economic blockade designed to undermine Lenin's power. This move would ultimately have the opposite effect of galvanizing popular support for the Bolsheviks.

The sole piece of the original Fourteen Points that Wilson successfully fought to keep intact was the creation of a **League of Nations**. In the covenant of the new league, all member nations in the League agreed to defend any nation that was under attack. This was **Article X** of the covenant and Wilson intended for this provision of the covenant to prevent war, since no nation would be suicidal enough to start a war knowing that the entire rest of the world would come to the defense of the nation under attack. Ironically, this article would prove to be the undoing of Wilson's dream of a new world order.

THE RATIFICATION DEBATE

Although the other nations in Paris agreed to the final terms of the Treaty of Versailles, Wilson's greatest battle lay in the ratification debate that awaited him upon his return. While the Constitution gives presidents the authority to negotiate treaties, but the Senate must ratify any treaty before the United States is bound by its terms. This is an important check on the power of the president. Wilson knew that a yes vote would be difficult to achieve.

Central to the debate was Article X of the Covenant of the League of Nations. Even before Wilson's return to Washington, Senator **Henry Cabot Lodge**, chairman of the Senate Foreign Relations Committee that oversaw ratification proceedings, issued a list of reservations he had regarding the treaty. An isolationist in foreign policy issues, Cabot feared that Article X would take away Congress's ability to decide when

đẩy các đồng minh này sử dụng các cuộc đàm phán hiệp ước để mở rộng lãnh thổ và bảo đảm lợi ích chiến lược của họ, thay vì hướng tới hòa bình thế giới.

Cuối cùng, Hiệp ước Versailles chính thức kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất giống với Fourteen Points ban đầu của Wilson. Người Nhật, Pháp và Anh đã thành công trong việc khắc chế nhiều tổ chức thuộc địa của Đức ở Châu Phi và Châu Á. Sự giải thể của Đế chế Ottoman cũ đã tạo ra các quốc gia mới dưới sự cai trị gần như thuộc địa của Pháp và Anh, như Iraq và Palestine. Pháp đã giành được phần lớn lãnh thổ tranh chấp dọc biên giới với Đức, cũng như thông qua một điều khoản tội lỗi chiến tranh, mà đòi Đức phải chịu trách nhiệm công khai về việc bắt đầu và truy tố cuộc chiến dẫn đến quá nhiều cái chết và sự hủy diệt. Vương quốc Anh dẫn đầu cáo buộc dẫn đến việc Đức đồng ý trả các khoản bồi thường vượt quá 33 tỷ đô la cho quân Đồng minh. Đối với Bolshevik Nga, Wilson đã đồng ý gửi quân đội Mỹ đến khu vực phía bắc của họ để bảo vệ nguồn cung cấp và nắm giữ của quân Đồng minh ở đó, đồng thời tham gia vào một cuộc phong tỏa kinh tế được thiết kế để làm suy yếu sức mạnh của Lenin. Động thái này cuối cùng sẽ có tác dụng ngược lại với việc hỗ trợ phổ biến cho những người Bolshevik.

Phần duy nhất của Mười bốn điểm ban đầu mà Wilson đã chiến đấu thành công để giữ nguyên vẹn là việc thành lập Liên minh các quốc gia. Trong giao ước của giải đấu mới, tất cả các quốc gia thành viên trong Liên minh đã đồng ý bảo vệ bất kỳ quốc gia nào đang bị tấn công. Đây là Điều X của công ước và Wilson dự định cung cấp giao ước này để ngăn chặn chiến tranh, vì sẽ không có quốc gia nào đủ tự tử để bắt đầu một cuộc chiến khi biết rằng toàn bộ phần còn lại của thế giới sẽ đến bảo vệ quốc gia bị tấn công. Trớ trêu thay, bài viết này sẽ chứng tỏ là giấc mơ hoàn thành giấc mơ của Wilson về một trật tự thế giới mới.

QUYẾT ĐỊNH

Mặc dù các quốc gia khác ở Paris đã đồng ý với các điều khoản cuối cùng của Hiệp ước Versailles, trận chiến lớn nhất của Wilson, nằm trong cuộc tranh luận phê chuẩn đang chờ ông trở lại. Trong khi Hiến pháp trao cho các tổng thống thẩm quyền đàm phán các hiệp ước, nhưng Thượng viện phải phê chuẩn bất kỳ hiệp ước nào trước khi Hoa Kỳ bị ràng buộc bởi các điều khoản của nó. Đây là một kiểm tra quan trọng về quyền lực của tổng thống. Wilson biết rằng một cuộc bỏ phiếu đồng ý sẽ khó đạt được.

Trọng tâm của cuộc tranh luận là Điều X của Giao ước Liên minh các quốc gia. Ngay cả trước khi Wilson Quay trở lại Washington, Thượng nghị sĩ Henry Cabot Lodge, Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện giám sát các thủ tục phê chuẩn, đã đưa ra một danh sách các bảo lưu mà ông có liên quan đến hiệp ước. Một kẻ cô lập trong các vấn đề chính sách đối ngoại, Cabot sợ rằng Điều X sẽ lấy đi khả năng của Quốc hội để

the United States would and would not enter wars. If the United States agreed to join the League of Nations, the country would be obligated to defend any other nation that came under attack, regardless of when or where. For Lodge and other Republicans in the Senate, this was unacceptable. The United States should remain entirely independent of the world and its problems.

quyết định khi nào Hoa Kỳ sẽ và không tham gia các cuộc chiến. Nếu Hoa Kỳ đồng ý tham gia Liên minh các quốc gia, quốc gia này sẽ có nghĩa vụ bảo vệ bất kỳ quốc gia nào khác bị tấn công, bất kể khi nào hoặc ở đâu. Đối với Lodge và những người Cộng hòa khác tại Thượng viện, điều này là không thể chấp nhận được. Hoa Kỳ nên hoàn toàn độc lập với thế giới và các vấn đề của nó.

On the other side of the political spectrum, interventionists such as Wilson argued that Article X would impede the United States from using her rightfully attained military power to secure and protect America's international interests. The United States had a moral obligation to the rest of the world to use its power as a deterrent to ensure peace. Without the United States at the table, they feared, the hard-won peace would crumble as petty problems pulled the world back into war.

Ở phía bên kia của quang phổ chính trị, những người can thiệp như Wilson lập luận rằng Điều X sẽ cản trở Hoa Kỳ sử dụng sức mạnh quân sự đạt được một cách chính đáng của mình để bảo đảm và bảo vệ lợi ích quốc tế của Mỹ. Hoa Kỳ có nghĩa vụ đạo đức với phần còn lại của thế giới là sử dụng quyền lực của mình như một công cụ răn đe để đảm bảo hòa bình. Không có Hoa Kỳ trên bàn, họ lo sợ, nền hòa bình khó thắng sẽ sụp đổ khi những vấn đề nhỏ nhặt kéo thế giới trở lại chiến tranh.

Some Republicans, known as **Irreconcilables**, opposed the treaty on all grounds, whereas others, called **Reservationists**, would support the treaty if sufficient amendments were introduced that could eliminate Article X. In an effort to turn public support into a weapon against those in opposition, Wilson embarked on a cross-country railway speaking tour. He began travelling in September 1919, and the grueling pace, after the stress of the six months in Paris, proved too much. Wilson fainted following a public event on September 25, 1919, and immediately returned to Washington. There he suffered a debilitating stroke, leaving his second wife **Edith Wilson** in charge as de facto president for a period of about six months.

Một số đảng Cộng hòa, được gọi là Irreconcilables, phản đối hiệp ước trên tất cả các lý do, trong khi những người khác, được gọi là Người bảo lưu, sẽ ủng hộ hiệp ước nếu những sửa đổi đầy đủ được đưa ra có thể loại bỏ Điều X. Trong nỗ lực biến sự ủng hộ của công chúng thành vũ khí chống lại những người chống đối, Wilson bắt tay vào một tour du lịch nói đường sắt xuyên quốc gia. Ông bắt đầu đi du lịch vào tháng 9 năm 1919, và tốc độ mệt mỏi, sau những căng thẳng trong sáu tháng ở Paris, đã chứng minh quá nhiều. Wilson bị ngất sau một sự kiện công khai vào ngày 25 tháng 9 năm 1919 và ngay lập tức trở về Washington. Ở đó, ông bị đột quỵ suy nhược, để lại người vợ thứ hai Edith Wilson phụ trách làm chủ tịch thực tế trong khoảng thời gian khoảng sáu tháng.

Frustrated that his dream of a new world order was slipping away, a frustration that was compounded by the fact that, now an invalid, he was unable to speak his own thoughts coherently, Wilson urged Democrats in the Senate to reject any effort to compromise on the treaty. With all sides unwilling to compromise, Congress voted and rejected the Treaty of Versailles and membership in the League of Nations.

Thất vọng vì giấc mơ về trật tự thế giới mới của anh đã bị tuột mất, một sự thất vọng được củng cố bởi thực tế là, bây giờ không hợp lệ, anh không thể nói ra suy nghĩ của mình một cách mạch lạc, Wilson thúc giục đảng Dân chủ tại Thượng viện từ chối mọi nỗ lực để thỏa hiệp Hiệp ước. Với tất cả các bên không muốn thỏa hiệp, Quốc hội đã bỏ phiếu và từ chối Hiệp ước Versailles và là thành viên trong Liên minh các quốc gia.

As a result, the United States had to conclude its own separate peace treaty with Germany and never joined the League of Nations, which, as Wilson had feared shattered the international authority and significance of the organization. Although Wilson received the Nobel Peace Prize in October 1919 for his efforts to create a model of world peace, he remained personally embarrassed and angry at his country's refusal to be a part of that model.

Kết quả là, Hoa Kỳ đã phải ký kết hiệp ước hòa bình riêng với Đức và không bao giờ tham gia Liên minh các quốc gia, điều mà Wilson lo ngại sẽ phá vỡ thẩm quyền và tầm quan trọng của tổ chức quốc tế. Mặc dù Wilson đã nhận được giải thưởng Nobel Hòa bình vào tháng 10 năm 1919 vì những nỗ lực của ông để tạo ra một mô hình hòa bình thế giới, nhưng ông vẫn lúng túng và tức giận khi đất nước của ông từ chối trở thành một phần của mô hình đó.

CONCLUSION

PHẦN KẾT LUẬN

Ultimately Wilson lost his campaign to make the United States a key player in world affairs. Senator Lodge and the isolationists in Congress

Cuối cùng Wilson đã mất chiến dịch của mình để biến Hoa Kỳ thành một nhân vật chủ chốt trong các vấn đề thế giới. Thượng nghị sĩ Lodge và những người theo

won the political argument and America sat on the sidelines during the 1920s and 1930s and conflicts engulfed Europe and Asia. Hitler rose to power in Germany and Japan invaded China. By the time 1941 rolled around and the United States found itself in World War II, the question of isolationism or involvement had been answered.

chủ nghĩa cô lập trong Quốc hội đã giành chiến thắng trong cuộc tranh luận chính trị và nước Mỹ ngồi ngoài lề trong suốt những năm 1920 và 1930 và các cuộc xung đột nhấn chìm châu Âu và châu Á. Hitler vươn lên nắm quyền ở Đức và Nhật Bản xâm chiếm Trung Quốc. Vào thời điểm năm 1941, Hoa Kỳ tìm thấy chính mình trong Thế chiến II, câu hỏi về sự cô lập hoặc sự liên quan đã được trả lời.

Politicians on both sides of the argument about the Treaty of Versailles and League of Nations used the ensuing decades as evidence that they had been right all along. For isolationists, being able to stay out of World War II for as long as possible made it possible for the United States to be the deciding factor. Wilson's supporters, on the other hand, believed that if the United States had been part of the League of Nations from the beginning, it might have had a chance to stop Japan and Hitler from starting the war in the first place. Instead, the Americans were hidden away across the oceans while catastrophe was unfolding.

Các chính trị gia ở cả hai phía của cuộc tranh luận về Hiệp ước Versailles và Liên minh các quốc gia đã sử dụng các thập kỷ tiếp theo như một bằng chứng cho thấy họ đã đúng cả. Đối với những người theo chủ nghĩa cô lập, việc có thể đứng ngoài Thế chiến II càng lâu càng tốt khiến Hoa Kỳ trở thành nhân tố quyết định. Mặt khác, những người ủng hộ Wilson, tin rằng nếu Hoa Kỳ là một phần của Liên minh các quốc gia ngay từ đầu, thì có thể đã có cơ hội ngăn chặn Nhật Bản và Hitler bắt đầu cuộc chiến ngay từ đầu. Thay vào đó, người Mỹ đã ẩn mình trên khắp các đại dương trong khi thảm họa đang diễn ra.

What do you think? Should America be involved in the world as Wilson hoped, or isolationist as Senator Lodge and the Republicans wanted?

Bạn nghĩ sao? Mỹ nên tham gia vào thế giới như Wilson hy vọng, hay cô lập như Thượng nghị sĩ và đảng Cộng hòa muốn?

SUMMARY

TÓM LƯỢC

The United States entered the fighting in the last year of World War I. Germany had been suffering under a terrible blockade and was short on food and supplies. Russia had already exited the war and was in the middle of a civil war. American commanders refused to let their troops be split up and insisted on fighting together as one large group. They were still a tiny fraction of all the men on the battlefields of Europe.

Hoa Kỳ tham gia chiến đấu vào năm cuối của Thế chiến I. Đức đã phải chịu đựng một cuộc phong tỏa khủng khiếp và thiếu lương thực và thực phẩm. Nga đã thoát khỏi cuộc chiến và đang ở giữa cuộc nội chiến. Các chỉ huy Mỹ từ chối để cho quân đội của họ bị tách ra và khăng khăng chiến đấu cùng nhau như một nhóm lớn. Họ vẫn chỉ là một phần rất nhỏ của tất cả những người đàn ông trên chiến trường châu Âu.

The end of the war came on November 11, 1918. The European powers had lost millions of men in battle, as well as civilians. A flue pandemic swept the world in 1918 killing millions more.

Sự kết thúc của cuộc chiến diễn ra vào ngày 11 tháng 11 năm 1918. Các cường quốc châu Âu đã mất hàng triệu người trong trận chiến, cũng như thường dân. Một đại dịch khói lửa quét qua thế giới vào năm 1918 giết chết hàng triệu người nữa.

President Woodrow Wilson went to Europe after the war had finished to negotiate a peace deal. He believed it was an opportunity to forge an international system for a lasting peace. He described his vision for a peaceful world in a speech entitled the Fourteen Points. The most important of these was the creation of a League of Nations in which future conflicts could be resolved without war.

Tổng thống Woodrow Wilson đã tới châu Âu sau khi chiến tranh kết thúc để đàm phán một thỏa thuận hòa bình. Ông tin rằng đó là một cơ hội để xây dựng một hệ thống quốc tế vì một nền hòa bình lâu dài. Ông mô tả tầm nhìn của mình về một thế giới hòa bình trong một bài phát biểu mang tên Mười bốn điểm. Điều quan trọng nhất trong số này là việc thành lập Liên minh các quốc gia trong đó các xung đột trong tương lai có thể được giải quyết mà không cần chiến tranh.

The result of the negotiations was the Treaty of Versailles. Wilson succeeded in getting the Europeans to create a League of Nations,

Kết quả của các cuộc đàm phán là Hiệp ước Versailles. Wilson đã thành công trong việc khiến người châu Âu thành lập Liên minh các quốc gia, mặc dù họ cũng áp

although they also imposed a harsh punishment on Germany. Germany was forced to admit that the war had been their fault and pay enormous reparations. This punishing element of the treaty would be used later by Hitler to blame Germany's problems on its neighbors.

đặt một hình phạt khắc nghiệt đối với Đức. Đức đã buộc phải thừa nhận rằng chiến tranh là lỗi của họ và phải trả những khoản bồi thường khổng lồ. Yếu tố trừng phạt này của hiệp ước sẽ được Hitler sử dụng sau này để đổ lỗi cho các vấn đề của Đức về các nước láng giềng.

Wilson's efforts to join the new League of Nations faced a major challenge. The Constitution gives the Senate the authority to ratify all treaties signed by the president. One element of the League of Nations was a commitment by every nation to defend any nation under attack. In theory, this would deter nations from going to war since they risked punishment from the entire world. In reality, Republicans in the Senate feared that this would mean the United States would be forced to join wars that were not really its business.

Những nỗ lực của Wilson cùng tham gia Liên minh các quốc gia mới phải đối mặt với một thách thức lớn. Hiến pháp trao cho Thượng viện thẩm quyền phê chuẩn tất cả các hiệp ước được ký bởi tổng thống. Một yếu tố của Liên minh các quốc gia là cam kết của mọi quốc gia để bảo vệ bất kỳ quốc gia nào bị tấn công. Về lý thuyết, điều này sẽ ngăn cản các quốc gia tham chiến vì họ có nguy cơ bị trừng phạt từ toàn thế giới. Trên thực tế, những người Cộng hòa tại Thượng viện sợ rằng điều này có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ bị buộc phải tham gia các cuộc chiến không thực sự là việc của họ.

When it looked like the Senate was going to reject the Treaty, Wilson travelled the nation giving speeches to build public support. This also failed and the Senate voted against the treaty. Without the United States, the League of Nations was seriously weakened. It is possible that if America had been at the table, World War II might have been avoided, but we can never know.

Khi có vẻ như Thượng viện sẽ từ chối Hiệp ước, Wilson đã đi khắp đất nước để diễn thuyết để xây dựng sự ủng hộ của công chúng. Điều này cũng thất bại và Thượng viện đã bỏ phiếu chống lại hiệp ước. Không có Hoa Kỳ, Liên minh các quốc gia đã bị suy yếu nghiêm trọng. Có thể là nếu nước Mỹ đã ngồi vào bàn đàm phán, Thế chiến II có thể đã tránh được, nhưng chúng ta không bao giờ có thể biết được.

By rejecting the Treaty of Versailles and membership in the League of Nations, the United States also rejected Wilson's dream of internationalism. Instead, for the next twenty years the nation pursued a policy of isolationism.

Bằng cách từ chối Hiệp ước Versailles và là thành viên trong Liên minh các quốc gia, Hoa Kỳ cũng từ chối giấc mơ về chủ nghĩa quốc tế của Wilson. Thay vào đó, trong hai mươi năm tiếp theo, quốc gia theo đuổi chính sách cô lập.

In keeping with that new idea, Congress passed the Immigration Act of 1924, cutting off almost all immigration from Europe and ending immigration entirely from Asia.

Để phù hợp với ý tưởng mới đó, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Di trú năm 1924, cắt bỏ gần như tất cả nhập cư từ Châu Âu và chấm dứt nhập cư hoàn toàn từ Châu Á.

A fear of foreigners and dangerous foreign ideas swept the nation. With the success of the communist revolution in Russia, a Red Scare started. Immigrant anarchists Sacco and Vanzetti were convicted in a deeply flawed trial that many saw as evidence of a national eagerness to root out dangerous ideas.

Một nỗi sợ hãi của người nước ngoài và những ý tưởng nước ngoài nguy hiểm quét qua quốc gia. Với thành công của cuộc cách mạng cộng sản ở Nga, Red Scare bắt đầu. Những người vô chính phủ nhập cư Sacco và Vanzetti đã bị kết án trong một phiên tòa thiếu sót sâu sắc mà nhiều người coi là bằng chứng của sự háo hức quốc gia để tìm ra những ý tưởng nguy hiểm.

KEY CONCEPTS

Armistice: An agreement to stop fighting.

Fourteen Points: President Wilson's reasons for fighting in World War I. These were aspects of his Moral Diplomacy and became the basis of American negotiations at the end of the war. Some of the ideas were included in the Treaty of Versailles.

Reparations: Payment by one nation to another as a form of apology or penalty.

PEOPLE AND GROUPS

Vladimir Lenin: Leader of the Bolsheviks in Russia during the Russian Revolution. He became the first leader of the communist Soviet Union.

American Expeditionary Force (AEF): American army units who fought in Europe during World War I.

John "Blackjack" Pershing: General who led the American army in Europe during World War I.

League of Nations: International organization created at the end of World War I. It was the brainchild of President Wilson and was designed to give nations a forum in which to resolve differences without war. It failed to prevent World War II.

Henry Cabot Lodge: Republican senator who led opposition to the Treaty of Versailles fearing that it would force the United States to join wars that were not central to American interests.

Irreconcilables: Republican senators during the debate over the Treaty of Versailles who refused to vote to approve the treaty no matter what changes were made.

Reservationists: Republican senators during the debate over the Treaty of Versailles who would consider voting to ratify the treaty if changes were made.

Edith Wilson: First lady and wife of President Wilson. She acted as his caretaker and made many decisions for him during the last few months of his presidency.

EVENTS

Armistice Day: November 11, 1928 – the day fighting in World War I ended. Today it is remembered in the United States as Veteran's Day.

1918 Influenza Pandemic: Major worldwide outbreak of the flu which killed 3-5% of the global population during World War I.

Paris Peace Conference: The meeting in 1918 and 1919 of world leaders to negotiate a treaty to conclude World War I.

TREATIES

Treaty of Versailles: Peace treaty that concluded World War I and established the League of Nations. The United States Senate never ratified the treaty.

Article X of the League of Nations Covenant: Key component of the League of Nations in which the nations of the world agreed to join together to repulse any aggressive military actions.

Question Eleven, Part Two

Is the fight for FREEDOM WORTH THE COST?

Isolation was a long American tradition. Since the days of George Washington, Americans preferred to remain protected by the mighty oceans on its border than engage with other nations in treaties and alliances. When European conflicts erupted, as they frequently did, most Americans concluded that fighting wars to protect the freedom of people living far away, was simply too great a cost for the United States to pay.

Cô lập là một truyền thống lâu đời của Mỹ. Kể từ thời George Washington, người Mỹ thích được bảo vệ bởi các đại dương hùng mạnh ở biên giới hơn là tham gia với các quốc gia khác trong các hiệp ước và liên minh. Khi các cuộc xung đột ở châu Âu nổ ra, như họ thường làm, hầu hết người Mỹ kết luận rằng chiến đấu để bảo vệ quyền tự do của người dân ở xa, đơn giản là một chi phí quá lớn để Hoa Kỳ phải trả.

When the Archduke of Austria-Hungary was killed in cold blood, igniting the First World War, Americans claimed neutrality. As a nation of immigrants, The United States would have difficulty picking a side. Despite the obvious ties to Britain based on history and language, there were many United States citizens who claimed Germany and Austria-Hungary as their parent lands. Whose freedom was worth fighting and dying for?

Khi Archduke của Áo-Hungary bị giết trong máu lạnh, đốt cháy Thế chiến thứ nhất, người Mỹ đã tuyên bố trung lập. Là một quốc gia của những người nhập cư, Hoa Kỳ sẽ gặp khó khăn trong việc chọn một bên. Mặc dù có mối quan hệ rõ ràng với Anh dựa trên lịch sử và ngôn ngữ, có nhiều công dân Hoa Kỳ đã tuyên bố Đức và Áo-Hungary là đất mẹ của họ. Ai tự do là đáng để chiến đấu và chết vì?

After two and a half years of isolationism, the choice had become clearer. Germany's violation of American neutrality on the high seas, combined with provocations such as the Zimmerman Note turned the United States into a friend of the Allies and America entered the Great War.

Sau hai năm rưỡi cô lập, sự lựa chọn đã trở nên rõ ràng hơn. Đức Vi phạm sự trung lập của Mỹ trên biển cả, kết hợp với những hành động khiêu khích như Zimmerman Note đã biến Hoa Kỳ thành một người bạn của quân Đồng minh và Mỹ tham gia Đại chiến.

In the end, the war was won, but President Wilson's quest to have the Senate ratify the Treaty of Versailles failed. It seemed that America had been willing to pay the price of freedom in 1917, but was not ready to commit to defending freedom unconditionally in the future.

Cuối cùng, chiến tranh đã chiến thắng, nhưng nhiệm vụ của Tổng thống Wilson, để Thượng viện phê chuẩn Hiệp ước Versailles đã thất bại. Có vẻ như Mỹ đã sẵn sàng trả giá tự do vào năm 1917, nhưng chưa sẵn sàng cam kết bảo vệ tự do vô điều kiện trong tương lai.

What do you think? When is the fight for freedom worth the cost?

Bạn nghĩ sao? Khi nào cuộc đấu tranh cho tự do đáng giá?

www.inquiryhistory.com